

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**  
**KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH**  
**XÃ TẠI XÃ HUA NHÀN, BẮC YÊN, SƠN LA**

**Ngành : KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**

**Mã số : 7620115**

*Mã sinh viên:*

*Lớp:*

*Khóa học:*

*Giáo viên*  
*hướng dẫn:*

*Sinh viên*  
*thực hiện:*

**2016 - 2020**

***ThS. Hoàng Thị Dung Vàng***

***Thị Dúa 1654020653 K61 –***

***KTNN***

## LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp này là một phần quan trọng thể hiện quá trình học tập và nghiên cứu của em sau bốn năm trên giảng đường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam. Để hoàn thành bài khóa luận này, ngoài sự cố gắng và nỗ lực của bản thân, em còn nhận được sự giúp đỡ, động viên của quý thầy cô, ban lãnh đạo cơ quan, gia đình và bạn bè. Và nhân đây, em muốn gửi đến họ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất của em.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam đã tận tình truyền đạt cho em những kiến thức và kinh nghiệm quý báu trong suốt bốn năm học tại trường. Đặc biệt là cô giáo **Hoàng Thị Dung** người đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này với tất cả lòng nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm. Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên UBND xã Hua Nhân, các cô trong phòng kết toán và đặc biệt là chú **Thào A Sáy** chủ tịch UBND xã Hua Nhân đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho em có thể tìm hiểu học hỏi những kinh nghiệm thực tiễn và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận trong suốt thời gian thực tập tại đơn vị.

Nhân đây, em cũng muốn gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân và tất cả bạn bè đã luôn tạo điều kiện, động viên và giúp đỡ em trong suốt thời gian vừa qua. Do điều kiện thời gian có hạn cũng như những kiến thức của bản thân còn hạn chế nên đề tài của em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của quý thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Hua Nhân ngày tháng năm

**Sinh viên thực hiện**

**Vàng Thị Dúa**

## MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ HÌNH

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐẶT VẤN ĐỀ

1

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU CHI NGÂN SÁCH

4

1.1. Những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước

4

1.1.1. Khái niệm ngân sách nhà nước

4

1.1.3. Hệ thống ngân sách nhà nước hiện nay

5

1.2. Những vấn đề cơ bản về ngân sách xã

7

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách xã

7

1.2.2. Vai trò của ngân sách xã

8

1.3. Nội dung quản lý thu – chi ngân sách xã

9

1.3.1. Quản lý thu ngân sách xã

9

1.3.2. Quản lý chi ngân sách xã

11

1.3.3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách xã

11

CHƯƠNG 2 ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN XÃ HUA NHÀN, HUYỆN BẮC YÊN,

TỈNH SƠN LA

12

2.1. Đặc điểm tự nhiên

12

2.1.1. Vị trí địa lý

12

2.1.2. Địa hình

13

2.1.3. Khí hậu thời tiết

13

|                              |    |
|------------------------------|----|
| 2.1.4. Thủy văn              | 13 |
| 2.1.5. Tài nguyên            | 14 |
| 2.2. Đặc điểm kinh tế xã hội | 15 |
| 2.2.1. Đặc điểm về kinh tế   | 15 |
| 2.2.2. Đặc điểm xã hội       | 17 |
| 2.2.3. Cơ sở hạ tầng         | 18 |
| 2.3.4. Cơ sở văn hóa         | 19 |

|   |    |
|---|----|
| 2.3. Tổ chức bộ máy chính quyền xã .....  | 22 |
| 2.4. Đánh giá chung về thuận lợi và khó khăn của điều kiện kinh tế xã hội .....                                   | 23 |
| .....   |    |
| 2.4.1. Thuận lợi .....  | 23 |
| 2.4.2. Khó khăn .....   | 24 |
| <b>CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU – CHI NGÂN SÁCH TẠI XÃ HUA NHÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA .....</b> |    |
| 3.1. Tổ chức bộ máy quản lý tài chính ngân sách xã .....  | 26 |
| 3.2. Công tác lập dự toán thu – chi ngân sách xã Hua Nhàn .....   | 27 |
| 3.3 Thực trạng quản lý thực hiện thu ngân sách xã Hua Nhàn .....  | 28 |
| 3.3.1 Kết quả tổng hợp thực hiện thu ngân sách xã Hua Nhàn .....  | 28 |
| 3.3.2. Thực trạng thực hiện chi tiết các khoản thu ngân sách tại xã Hua Nhàn qua các năm 2017 - 2019 .....        | 30 |
| 3.4 Thực trạng quản lý thực hiện chi ngân sách xã Hua Nhàn qua các năm 2017-2019 .....                            | 35 |
| 3.4.1 Kết quả tổng hợp thực hiện chi ngân sách xã Hua Nhàn .....  | 35 |
| 3.4.2 Thực trạng thực hiện chi tiết các khoản chi ngân sách tại xã Hua Nhàn qua các năm 2017 - 2019 .....         | 35 |
| 3.5. Quyết toán Ngân sách xã Hua Nhàn năm 2017 - 2019 .....   | 41 |
| .....   |    |
| 3.6. Đánh giá chung về công tác quản lý thu – chi ngân sách xã tại xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La .....  | 47 |
| 3.6.1. Những kết quả đạt được .....   | 47 |
| 3.6.2. Những mặt hạn chế .....  | 48 |
| 3.7. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách xã Hua Nhàn .....               | 49 |
| 3.7.1. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách .....   | 49 |
| 3.7.2. Tăng cường tổ chức cho hoạt động thu – chi cho ngân sách xã Hua Nhàn .....                                 | 49 |

|  |    |
|--|----|
| 3.7.3. Tăng cường kinh tế xã hội và cơ sở - hạ tầng của xã Hua Nhàn. | 50 |
| .....  |    |
| KẾT LUẬN.....  | 51 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO   |    |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

|  |    |
|--|----|
| Bảng 2.1. Tình hình dân số lao động xã Hua Nhàn 2017 – 2019            | 17 |
| Đơn vị tính: người   | 17 |
| Bảng 3.1. Bảng dự toán thu – chi ngân sách xã năm 2018 – 2020          | 27 |
| Đơn vị tính: đồng  | 27 |
| Bảng 3.2. Bảng tổng hợp kết quả thực hiện dự toán thu năm 2017 – 2019  | 29 |
| Đơn vị tính: đồng  | 29 |
| Bảng 3.3. Các khoản thu hưởng 100% năm 2017- 2019                      | 32 |
| Đơn vị tính: đồng  | 32 |
| Bảng 3.4. Bảng các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % xã Hua Nhàn        | 33 |
| Bảng 3.5. Bảng các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên xã Hua Nhàn | 34 |
| Bảng 3.6 Kết quả tổng hợp thực hiện chi ngân sách xã Hua Nhàn          | 36 |
| Bảng 3.7 Kết quả tổng hợp chi đầu tư phát triển xã Hua Nhàn            | 38 |
| Bảng 3.8 Kết quả thực hiện chi thường xuyên xã Hua Nhàn                | 40 |
| Bảng 3.9. Bảng thẩm tra quyết toán ngân sách năm 2017                  | 41 |
| Bảng 3.10. Bảng thẩm tra quyết toán ngân sách xã năm 2018              | 43 |
| Bảng 3.11. Bảng thẩm tra quyết toán ngân sách năm 2019                 | 45 |



## DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ HÌNH

|  |    |
|--|----|
| Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hệ thống Ngân sách Nhà nước         | 6  |
| Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy chính quyền xã               | 23 |
| Hình 3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý ngân sách xã Hua Nhàn | 26 |

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

|   |    |
|---|----|
| Biểu 3.1. Cơ cấu các khoản thu ngân sách tại xã Hua Nhàn năm 2017 | 30 |
| Biểu 3.2. Cơ cấu các khoản thu ngân sách tại xã Hua Nhàn năm 2018 | 31 |
| Biểu 3.3. Cơ cấu các khoản thu ngân sách xã Hua Nhàn năm 2019     | 31 |
| Biểu 3.4 Cơ cấu chi ngân sách xã Hua Nhàn năm 2017                | 37 |
| Biểu 3.5 Cơ cấu chi ngân sách xã Hua Nhàn năm 2018                | 37 |
| Biểu 3.6 Cơ cấu chi ngân sách xã Hua Nhàn năm 2018                | 37 |



## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| STT | Từ viết tắt | Nội dung             |
|-----|-------------|----------------------|
| 1   | NSTQI       | Ngân sách trung ương |
| 2   | NSDP        | Ngân sách địa phương |
| 3   | TQI         | Trung ương           |
| 4   | ĐP          | Địa phương           |
| 5   | HĐND        | Hội đồng nhân dân    |
| 6   | UBND        | Ủy ban nhân dân      |
| 7   | NSNN        | Ngân sách nhà nước   |
| 8   | KBNN        | Kho bạc nhà nước     |
| 9   | DQTV        | Dân quân tự vệ       |
| 10  | VH-XH       | Văn hóa – xã hội     |



## ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1. Lý do nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường, ngân sách nhà nước là công cụ huy động nguồn tài chính để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của nhà nước, đồng thời là một trong những công cụ quan trọng của nhà nước trong việc quản lý và điều hành vĩ mô nền kinh tế - xã hội. Ngân sách nhà nước được tạo lập từ nhiều nguồn khác nhau như: thuế, phí, lệ phí, các khoản đóng góp tự nguyện, viện trợ trong nước, viện trợ không hoàn lại từ nước ngoài.

Ngân sách xã là cấp ngân sách cơ sở trong hệ thống ngân sách nhà nước, có vai trò hết sức quan trọng đối với cấp chính quyền cơ sở (xã) để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, văn hóa, y tế, giáo dục và các nhiệm vụ chính trị khác mà chính quyền xã phải thực hiện. Để thực hiện các nhiệm vụ đó, chính quyền cấp xã cần có nguồn kinh phí được hình thành trên cơ sở các hoạt động thu – chi tài chính. Hay nói cách khác cần có ngân sách để đảm bảo cho hoạt động của chính quyền.

Trong những năm gần đây, hoạt động tài chính ngân sách xã ngày càng trở nên phong phú, đa dạng và phức tạp. Nhiều địa phương còn gặp nhiều khó khăn do nguồn thu hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng và nuôi dưỡng các nguồn thu. Mặt khác nội dung chi cũng ngày một đa dạng và phức tạp. Vì vậy, yêu cầu nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý ngân sách cấp xã trở thành một nhiệm vụ hết sức cần thiết góp phần vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ của cấp chính quyền cơ sở cấp xã. Xuất phát từ nhận thức trên và để hiểu rõ hơn về công tác quản lý thu – chi ngân sách cấp xã, em lựa chọn đề tài “ **Thực trạng công tác quản lý thu – chi ngân sách tại xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La**” làm đề tài nghiên cứu.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

**Mục tiêu nghiên cứu tổng quát:**

Đánh giá đợc thực trạng công tác quản lý thu chi ngân sách tại xã Hua  
Nhàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn  
thiện công tác quản lý thu chi ngân sách cho địa phương trong thời gian  
tới. 1

### **Mục tiêu cụ thể:**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận cơ bản về quản lý ngân sách xã.
- Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của xã Hua Nhân.
- Phân tích thực trạng quản lý ngân sách xã trên địa bàn xã Hua Nhân.
- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách xã trên địa bàn xã Hua Nhân.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1 Đối tượng nghiên cứu**

Công tác quản lý thu, chi ngân sách xã tại xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

### **3.2 Phạm vi nghiên cứu**

- + Phạm vi không gian: Nghiên cứu tại xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- + Phạm vi thời gian: Nghiên cứu thực trạng hoạt động thu, chi ngân sách xã tại xã Hua Nhân trong 3 năm 2017 – 2019.

## **4. Nội dung nghiên cứu**

- Cơ sở lý luận về quản lý thu chi ngân sách.
- Đặc điểm cơ bản của xã Hua Nhân.
- Thực trạng công tác quản lý thu - chi ngân sách tại xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu chi Ngân sách xã tại xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1 Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp:**

Thông qua các số liệu sẵn có được công bố trong báo cáo kinh tế xã hội hàng năm và các báo cáo khác có liên quan của xã Hua Nhân, tổng hợp các số

liệu về đất đai, tình hình phát triển kinh tế, xã hội của xã qua các năm 2017-2019.

Thông qua số liệu báo cáo kết quả thu chi ngân sách xã hàng năm của xã Hua Nhân tổng hợp các số liệu về dự toán thu chi ngân sách xã, thực hiện thu chi ngân sách xã, quyết toán ngân sách xã các năm 2017-2019.

## 5.2 Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:

-*Phương pháp thống kê mô tả*: các số liệu sau khi được xử lý được trình bày dưới dạng bảng, biểu, biểu đồ để thấy rõ được thực trạng thu chi ngân sách của xã Hua Nhân.

-*Phương pháp thống kê so sánh*: dựa trên các số liệu đã có thực hiện so sánh đối chiếu về số tương đối, số tuyệt đối, tỷ trọng... Cụ thể là so sánh tình hình thực hiện so với dự toán, biến động thực hiện thu chi ngân sách qua các năm....

## 6. Kết cấu của khóa luận tốt nghiệp

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý thu chi Ngân sách xã

Chương 2: Đặc điểm cơ bản của xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Chương 3: Thực trạng công tác quản lý ngân sách xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La





## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU CHI NGÂN

#### SÁCH 1.1. Những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước

##### 1.1.1. Khái niệm ngân sách nhà nước

Theo khoản 14, điều 4, luật ngân sách nhà nước số 83/2015: “Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước”

- Thu ngân sách nhà nước: là tổng thể các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối nhằm tạo lập quỹ ngân sách nhà nước. Bao gồm:

+ Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí;

+ Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

+ Các khoản viện trợ không hoàn lại của chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương;

+ Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Chi ngân sách nhà nước: là tập hợp các quan hệ kinh tế gắn liền với quá trình sử dụng ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các chức năng quản lý kinh tế

- xã hội của nhà nước. Bao gồm:

+ Chi đầu tư phát triển;

+ Chi dự trữ quốc gia;

+ Chi thường xuyên;

+ Chi trả nợ lãi;

- + Chi viện trợ;
- + Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; Vai trò của ngân sách nhà nước

- Vai trò huy động nguồn tài chính của ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của nhà nước.
- Vai trò điều tiết, quản lý vĩ mô nền kinh tế xã hội của ngân sách nhà nước.
- Kích thích sự tăng trưởng kinh tế theo định hướng xã hội.
- Điều tiết thị trường giá cả và chống lạm phát.
- Điều tiết thu nhập dân cư, góp phần thực hiện công bằng xã hội.

### **1.1.3. Hệ thống ngân sách nhà nước hiện nay**

#### **1.1.3.1. Khái niệm hệ thống ngân sách nhà nước**

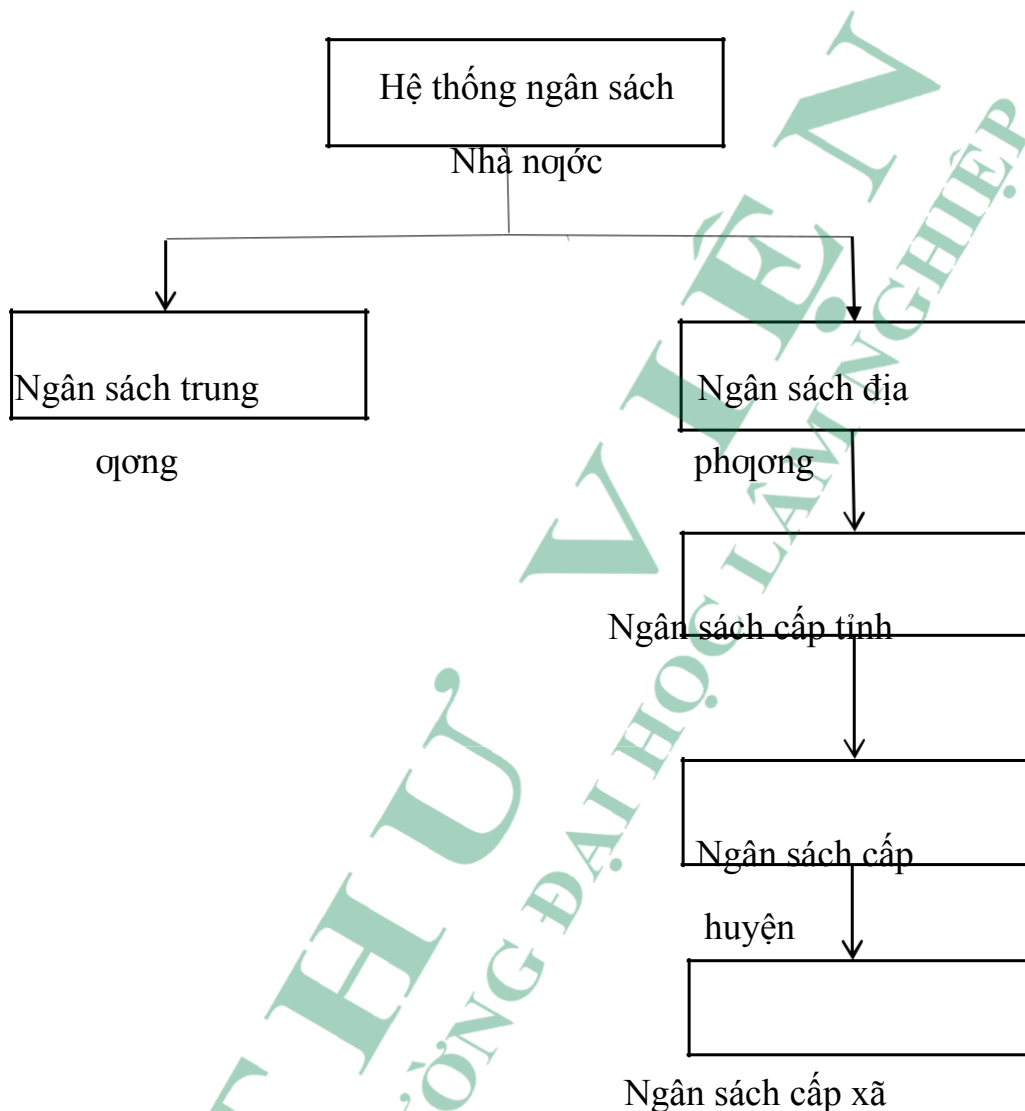
Hệ thống ngân sách nhà nước là một thể thống nhất, giữa các cấp ngân sách gắn với nhau bởi hệ thống các quan hệ tài chính. Theo điều 6, luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH 13, ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.





### 1.1.3.2. Hệ thống ngân sách nhà nước ở Việt Nam

Cơ cấu hệ thống ngân sách nhà nước ở Việt Nam hiện nay được mô tả theo sơ đồ dưới đây.



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hệ thống Ngân sách Nhà nước

#### Ngân sách trung ương

NSTCQ hình thành từ kế hoạch tài chính của các kinh tế thuộc TCQ, từ dự toán kinh phí của các cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan khác nhận kinh phí trợ ngân sách thuộc TCQ (các bộ, cơ quan ngang bộ).

#### Ngân sách địa phương

NSDP gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương (các cấp hành chính có hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân). Như vậy hiến pháp là cơ sở



chủ yếu cho việc xác nhận kinh phí từ ngân sách thuộc các cấp chính quyền ĐP, NSDP gồm:

- Ngân sách tỉnh, thành phố thuộc TQI (gọi tắt là ngân sách tỉnh).
- Ngân sách quận, huyện thuộc thành phố; ngân sách thị xã, thành phố, huyện thuộc tỉnh (gọi tắt là ngân sách huyện).
- Ngân sách phường, xã, thị trấn thuộc quận huyện (gọi tắt là ngân sách xã). Trong hệ thống ngân sách, mỗi cấp ngân sách đều có vị trí, vai trò và nhiệm vụ xác định, có nguồn thu và các khoản chi xác định. Điều này phụ thuộc vào phân định phạm vi ảnh hưởng quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền nhà nước.

Ngân sách xã là cấp ngân sách thứ toạ cũng là cấp ngân sách cuối cùng trong hệ thống ngân sách nhà nước, đây là cấp ngân sách gắn liền với các hoạt động của nhân dân nhất. Nó có vai trò quan trọng vì đây nhợ là cốt lõi của hệ thống ngân sách nhà nước, nó ổn định và phát triển là tiền đề cho sự phát triển chung của toàn hệ thống.

## **1.2. Những vấn đề cơ bản về ngân sách xã**

### **1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách xã**

#### **1.2.1.1. Khái niệm ngân sách xã**

Ngân sách xã là hệ thống các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ của chính quyền nhà nước cấp xã nhằm phục vụ cho việc thực hiện các chức năng của nhà nước cấp cơ sở trong khuôn khổ đã được phân công, phân cấp quản lý.

#### **1.2.1.2. Đặc điểm ngân sách xã**

Ngân sách xã là một cấp trong hệ thống ngân sách Nhà nước nên nó cũng mang đầy đủ những đặc điểm chung của ngân sách nhà nước, thêm vào đó là đặc điểm riêng tạo nên sự khác biệt căn bản với các cấp ngân sách khác.

## Đặc điểm chung

- Hoạt động của ngân sách xã luôn gắn chặt với hoạt động của chính quyền nhà nước cấp xã;

- Quản lý ngân sách xã nhất thiết phải tuân theo một chu trình chặt chẽ và khoa học.

- Phần lớn các khoản thu, chi của ngân sách xã được thực hiện theo phương thức phân phối lại và không hoàn trả một cách trực tiếp.

Đặc điểm riêng

Hiện nay, ngân sách Việt Nam bao gồm 4 cấp. Tuy chức năng, nhiệm vụ giống nhau, phạm vi và qui mô hoạt động có khác nhau nhưng ngân sách xã có đặc điểm riêng. Đó là: Ngân sách xã vừa là một cấp ngân sách cơ sở trong hệ thống ngân sách nhà nước, vừa là một đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí. Đặc điểm riêng này có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thiết lập các chính sách trong quản lý ngân sách xã.

### **1.2.2. Vai trò của ngân sách xã**

- Ngân sách xã là nguồn tài chính chủ yếu để đảm bảo cho chính quyền nhà nước cấp xã thực thi các nhiệm vụ kinh tế xã hội trên địa bàn. Trong số các quỹ tiền tệ mà chính quyền xã được quyền quản lý và sử dụng, thì ngân sách xã được coi là quỹ tiền tệ có quy mô lớn nhất, chỉ được phép sử dụng cho việc thực hiện các nhiệm vụ mà chính quyền xã phải đảm nhận. Do vậy, khả năng đảm bảo nguồn tài chính từ ngân sách xã như thế nào, sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến mức độ thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế, xã hội của chính quyền nhà nước cấp xã.

- Ngân sách xã là công cụ tài chính quan trọng để giúp chính quyền nhà nước các xã khai thác thế mạnh về kinh tế, xã hội trên địa bàn. Trong quá trình đó ngân sách xã đóng góp vai trò không nhỏ thông qua việc tạo lập các nguồn tài chính cần thiết để chính quyền xã đầu tư cho khai thác các thế mạnh về kinh tế, xã hội nông thôn và từng bước tạo đà cất cánh cho kinh tế xã những năm sau này.

- Ngân sách xã là công cụ tài chính giúp chính quyền nhà nước cấp trên

giám sát hoạt động của chính quyền xã. Ngân sách xã trở thành một trong những công cụ hữu hiệu cho chính quyền nhà nước cấp trên thực hiện quyền giám sát

của mình đối với hoạt động của chính quyền nhà nước cấp dưới. Nhờ đó sự kiểm soát của chính quyền nhà nước cấp trên đối với hoạt động của chính quyền cấp xã trở nên vô cùng dễ dàng.

### **1.3. Nội dung quản lý thu – chi ngân sách xã**

#### **1.3.1. Quản lý thu ngân sách xã**

Thu ngân sách xã là toàn bộ các khoản thu trong dự toán đã được HĐND xã quyết định và thực hiện trong một năm để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.

Theo Điều 3, thông tư số 344/2016/TT – BTC, quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giao chính quyền cấp xã quản lý, bao gồm: Thu từ thuế, phí, lệ phí; các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã.

Thu ngân sách xã được hưởng bao gồm các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho ngân sách xã và các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên nguyên tắc tự nguyện để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật do hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý:

- Thu ngân sách xã gồm các khoản thu phân cấp cho ngân sách xã hưởng 100%:

+ Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

+ Thuế môn bài;

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

+ Tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất tại điểm k khoản 1 Điều 35 của Luật này;

+ Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;

+ Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

- + Lệ phí trước bạ;
- + Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- + Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;
- + Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- + Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;
- + Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;
- + Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- + Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;
- + Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;
- + Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý;
- + Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
- + Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;



- + Thu kết dư ngân sách địa phương;
- + Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
  
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã với ngân sách cấp trên, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

+ Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

- Đối với khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác, xã không được đầu thầu thu khoán một lần cho nhiều năm làm ảnh hưởng đến việc cân đối ngân sách xã các năm sau; trường hợp thật cần thiết phải thu một lần cho một số năm, thì chỉ được thu trong nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân xã, không được thu trước thời gian của nhiệm kỳ hội đồng nhân dân khóa sau, trừ trường hợp thu đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Nguồn thu ngân sách xã do hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

### **1.3.2. Quản lý chi ngân sách xã**

Chi ngân sách xã, bao gồm chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh của nhà nước, chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội; chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thành lập theo quy định khi các tổ chức này được nhà nước giao nhiệm vụ; chi phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ chi ngân sách xã cũng do hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

### **1.3.3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách xã**

Theo điều 4, thông tư 344/2016/TT – BTC, nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách xã được thực hiện như sau:

1. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của nhà nước và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của xã; đồng thời phải

phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của chính quyền cấp xã.

2. Phù hợp với việc phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; phân cấp nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách

huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi chung là huyện).

3. Đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trường hợp có phân cấp cho xã thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách xã không vượt tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do quốc hội quyết định. Riêng đối với các loại thuế, lệ phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 luật ngân sách nhà nước, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách xã do hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Khi phân cấp nguồn thu cho ngân sách xã phải căn cứ vào nhiệm vụ chi, khả năng thu ngân sách trên địa bàn; phân cấp tối đa nguồn thu tại chỗ, đảm bảo các xã có nguồn thu cân đối với nhiệm vụ chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển trên địa bàn theo phân cấp của hội đồng nhân dân cấp tỉnh, hạn chế yêu cầu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên.

5. Trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách xã so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

6. Kết thúc mỗi thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, hội đồng nhân dân cấp tỉnh xác định lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương và số bổ sung cân đối ngân sách (nếu có), trong đó có ngân sách xã.

## CHƯƠNG 2

## **ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN XÃ HUA NHÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA**

### **2.1. Đặc điểm tự nhiên**

#### ***2.1.1. Vị trí địa lý***

Xã Hua Nhân là xã vùng cao của huyện Bắc Yên nằm cách trung tâm huyện Bắc Yên khoảng 60km về phía Đông Nam có tổng diện tích tự nhiên 5.857,00ha

- Phía bắc giáp xã Tà Hộc, xã Nà Bó huyện Mai Sơn.
- Phía đông giáp xã Mạong Khoa, xã Tạ Khoa huyện Bắc Yên.
- Phía nam giáp xã Sập Vạt huyện Yên Châu, xã Phiêng Côn huyện Bắc Yên.
- Phía tây giáp xã Chiềng Đông huyện Yên Châu.

### **2.1.2. Địa hình**

Xã có địa hình phức tạp, phân bố ở độ cao 1240m so với mặt nước biển, khu vực thấp có độ cao 120m bao gồm 2 dạng địa hình chính:

- Địa hình đồi núi trung bình có độ cao từ 120m – 680m so với mặt nước biển dạng địa hình, phù hợp cho sản xuất, canh tác theo phương thức nông lâm kết hợp với các loại cây trồng, ngô, sắn, tre, và các loại vật nuôi, trâu, bò, dê...

- Địa hình đồi núi cao có độ cao từ 680m đến 1240m so với mặt nước biển dạng địa hình này được phân bố ở các vùng cao.

### **2.1.3. Khí hậu thời tiết**

Do đặc điểm của địa hình nên khí hậu của xã Hua Nhân mang đặc trưng của 2 vùng khí hậu: Khí hậu á nhiệt đới với độ cao trên 1240m có mùa đông và lạnh có sương mù và khí hậu nhiệt đới gió mùa được chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

- Nhiệt độ trung bình trong năm 22°C.

- Tổng lượng mưa trung bình trong năm khoảng 150mm/năm thường tập trung vào các tháng 6, 7, 8 lượng mưa chiếm khoảng 85%. Tổng lượng mưa cả năm, mùa khô lượng mưa nhỏ chỉ chiếm khoảng 15% tổng lượng mưa, độ ẩm trung bình 80%.

### **2.1.4. Thủy văn**

Xã có hệ thống suối khá phong phú trong đó có 2 con suối chính là suối Sập Việt chảy dọc theo ranh giới xã và xã Phiêng Côn, Suối Sát, ngoài ra còn rất nhiều con suối nhỏ. Tuy nhiên do yếu tố địa hình nên khả năng khai thác nguồn

nguồn cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân trong vùng là rất hạn chế.

### **2.1.5. Tài nguyên**

#### *Tài nguyên nước*

**Nguồn mặt:** Đây là nguồn nước rất quan trọng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư, nhất là trong mùa khô. Nguồn mặt chủ yếu là nguồn nước mưa được lưu giữ trong các ao, mặt ruộng và hệ thống sông, suối, chất lượng nguồn nước tương đối sạch. Tuy nhiên, nguồn nước mặt phân bố không đồng đều giữa các vùng và giữa mùa mưa và khô. Do điều kiện địa hình nên khả năng cung cấp nước cho sản xuất sinh hoạt thường khó khăn.

**Nguồn ngầm:** Nguồn nước ngầm của xã Hua Nhân hiện chưa có điều kiện thăm dò khảo sát đầy đủ nên chưa có thể đánh giá chính xác. Thông qua khảo sát sơ bộ thì nước mỏ đã được người dân khai thác tương đối hiệu quả để phục vụ sinh hoạt bằng các hình thức xây hệ thống ống dẫn và bể nước.

#### *Tài nguyên rừng*

Tài nguyên rừng của xã còn 2.056,56ha trong đó diện tích rừng phòng hộ là 1.007,10ha diện tích rừng sản xuất là 962,00ha. Tuy nhiên trữ lượng không lớn, chủ yếu là rừng tái sinh phục hồi, rừng tre với các loại gỗ hỗn giao

#### *Tài nguyên khoáng*

Xã Hua Nhân nằm trong vùng nghèo khoáng sản, trên địa bàn xã có 2 nguồn khoáng chính là đá vôi, đất sét. Tuy nhiên chưa có điều kiện điều tra, khảo sát đầy đủ nên chưa thể đánh giá chính xác trữ lượng trên địa bàn.

#### *Tài nguyên nhân văn*

Trên địa bàn xã gồm có 4 thành phần dân tộc sinh sống gồm: Thái, khơ mú, hmong, kinh. Trong quá trình xây dựng và phát triển quê hương với truyền thống văn hóa đặc sắc lâu đời, cộng đồng các dân tộc trên địa bàn xã luôn đoàn

kết gắn bó chung sống lâu đời và vẫn giữ nét đặc trưng riêng trong đời sống văn hóa, truyền thống hòa nhập làm phong phú và đa dạng bản sắc dân tộc với các điệu hát trò chơi nhọ: ném còn, đẩy gậy...

## **2.2. Đặc điểm kinh tế xã hội**

### **2.2.1. Đặc điểm về kinh tế**

#### **\* Sản xuất nông nghiệp**

##### **- Trồng trọt:**

Trong 6 tháng đầu năm 2018 UBND xã đã tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

Tổng số diện tích các loại cây trồng năm 2018 trên địa bàn xã đạt 1.195,68 ha, đạt 102,8% so với kế hoạch năm 2018, diện tích cây lương thực có hạt là 955,42 ha, đạt 100,6% so với kế hoạch.

Trong đó: Diện tích lúa chiêm xuân đạt 29,42 ha, diện tích lúa noọng đạt 55 ha, diện tích cây ngô đạt 871 ha, cây sắn 32 ha, cây mía 3 ha, diện tích cây rau, đậu các loại 12 ha, diện tích cỏ 47 ha, diện tích cây ăn quả 143,26 ha. *(tuy nhiên do ảnh hưởng của mưa lũ cuốn trôi 50 ha diện tích cây ngô và lúa của một số bản trên địa bàn xã)*

Trong năm 2019 UBND xã đã tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

Tổng số diện tích các loại cây trồng năm 2019 trên địa bàn xã đạt 1.191 ha, đạt 95,7% so với kế hoạch năm 2019, diện tích cây lương thực có hạt là 941 ha, đạt 102,3% so với kế hoạch năm 2019.

Trong đó: Diện tích lúa chiêm xuân đạt 16 ha đạt 114,3 *(giảm so với cùng kỳ năm trước vì không có nước)*.

Diện tích lúa noọng đạt 50 ha, đạt 104,2% so với chỉ tiêu đầu năm, diện tích cây ngô đạt 871 ha, đạt 105,2% so với kế hoạch giao đầu năm, cây sắn 35 ha, đạt 102,9%, cây mía 3 ha, đạt 60% so với kế hoạch, khoai sọ 01 ha, Cà phê 4 ha, dong diêng 2,5 ha, diện tích cây rau, đậu các loại 19,2 ha, diện tích cỏ 45 ha, diện tích cây ăn quả 144,3 ha.

##### **- Chăn nuôi:**

Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã luôn được giữ vững ổn định và phát triển về số lượng và chất lượng.

Trong 6 tháng đầu năm 2018 tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã đạt 14.770 con bằng 78,6% so với kế hoạch năm 2018.

Trong đó gia súc là 3.680 con, gia cầm: 11. 090 con, đàn trâu đạt 75 con bằng 44,1% so với kế hoạch, đàn bò đạt 1.020 con, (Trong đó Ban giảm nghèo hỗ trợ 05 con bò cho 10 hộ tại bản Noong Lạnh bằng nguồn vốn WB, có vốn đóng góp của các hộ dân) bằng 79,8% so với kế hoạch. Đàn lợn đạt 1.052 con, đạt 64,7% so với kế hoạch năm 2018. Đàn dê đạt 1.507 con bằng 65,9% so với kế hoạch năm 2018, ngựa 26 con, đạt 74,2 % so với chỉ tiêu huyện giao đầu năm. Đàn gia cầm trên địa bàn xã 11.090 con bằng 82,9% so với kế hoạch năm 2018.

Trong 9 tháng đầu năm 2019 tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã đạt 17.044 con bằng 90% so với kế hoạch năm 2019 là 18.930 con.

Trong đó gia súc là 5.821 con: Đàn trâu đạt 176 con bằng 102,9% so với kế hoạch, đàn bò đạt 1.556 con, bằng 106,7% so với kế hoạch. Đàn lợn đạt 2.557 con, đạt 138,7% so với kế hoạch năm 2019. Đàn dê đạt 1.485 con bằng 73,7% so với kế hoạch năm 2019, ngựa 47 con, đạt 114,6 % so với chỉ tiêu huyện giao đầu năm, đàn gia cầm trên địa bàn xã 11.223 con bằng 83,8% so với kế hoạch năm 2019.

*\* Lâm nghiệp:*

Tiếp tục chỉ đạo các ngành, đoàn thể, các bản tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt Luật bảo vệ và phát triển rừng, chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng.

*\* Về tiểu thủ công nghiệp:*

Trong những năm qua, sản xuất tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì ổn định ở những ngành nghề truyền thống như làm dệt may thổ cẩm, mây tre đan mang lại công ăn việc làm cho người dân trong xã.

Ngành tiểu thủ công nghiệp có giá trị sản xuất luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị sản xuất của xã, như năm 2019 đạt được 52,77 tỷ đồng chiếm 1,67% tổng giá trị sản xuất của xã. Xã cần phát huy để nâng cao đời sống nhân dân trong xã, tạo nguồn thu để phục vụ đời sống của nhân dân.

*\* Dịch vụ*

Các dịch vụ ăn uống và cửa hàng tạp hóa, các hoạt động này chủ yếu do các hộ gia đình đảm nhiệm với đặc điểm là nhỏ lẻ, phục vụ đời sống của người dân

địa phương. Trong đó dịch vụ ngày càng phát triển có xu hướng tăng cụ thể như: Năm 2017 giá trị là 5.94 tỷ đồng chiếm 0.19% mà trong năm 2019 đã lên tới 12.35 tỷ đồng chiếm 0.39%.

### 2.2.2. Đặc điểm xã hội

*Dân số và lao động*

**Bảng 2.1. Tình hình dân số lao động xã Hua Nhàn 2017 – 2019**

Đơn vị tính: người

| Chỉ tiêu         | Năm 2017      |           | Năm 2018      |           | Năm 2019      |           |
|------------------|---------------|-----------|---------------|-----------|---------------|-----------|
|                  | SL<br>(người) | TT<br>(%) | SL<br>(người) | TT<br>(%) | SL<br>(người) | TT<br>(%) |
| Tổng số dân      | 3.880         | 100       | 3.967         | 100       | 4.412         | 100       |
| Tổng số lao động | 2.325         | 59,92     | 2.414         | 60,85     | 2.606         | 59,07     |
| Lao động nữ      | 1.323         | 34,10     | 1.402         | 35,34     | 1.463         | 33,16     |
| Lao động nam     | 1.002         | 25,82     | 1.012         | 25,51     | 1.143         | 25,91     |

( Nguồn: Báo cáo tình hình dân số, lao động xã Hua Nhàn )

Tổng dân số của xã có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2017 có 3.880 người đến 2019 là 4.412 người tăng 532 người.

Dân số của xã tăng nhanh nguyên nhân chủ yếu do nơi đây là nơi sinh sống tập trung của nhiều dân tộc thiểu số, nhận thức còn hạn chế. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình chưa đạt kết quả tốt, do đó vẫn còn nhiều gia đình có từ 3 đến 5 con.

Lực lượng lao động của xã là khá trẻ và tăng dần qua các năm. Năm 2017 số lao động là 2.325 người, đến 2019 là 2.606 người tăng 281 người.

Nhìn chung xã Hua Nhàn có số dân khá đông, chủ yếu là đồng bào dân tộc. Lực lượng lao động khá trẻ, dồi dào, cần cù chịu khó. Tuy nhiên, lao động tại địa phương vẫn cần sự giúp đỡ của các cấp chính quyền, mở các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ thuật cho người dân địa phương.

*Trình độ dân trí*

17

Nâng cao trình độ dân trí luôn là vấn đề hết sức quan trọng và đang được nhận sự quan tâm hàng đầu của đảng và nhà nước. Hiện tại, xã có đầy đủ các trường từ cấp mầm non đến trung học cơ sở. Xã thường xuyên tuyên truyền phổ biến người dân chấp hành quy định nề nếp và xây dựng văn hóa, vận động trẻ em đi học khi đến tuổi đi học, đồng thời thực hiện tốt các chính sách đối với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con các gia đình thương binh liệt sĩ.

### *Cảnh quan môi trường*

Xã Hua Nhàn nằm trong khu vực có địa hình phức tạp và bị chia cắt mạnh, cảnh quan môi trường đa dạng mang vẻ đẹp của vùng núi Tây Bắc, với những đồi núi trùng điệp, ác con sông, suối quanh co, lượn chùng đồi là những ruộng bậc thang. Môi trường không khí trong lành, nguồn nước ít bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm do chất thải công nghiệp, sinh hoạt của con người. Vấn đề của xã nói riêng và của huyện Bắc Yên nói chung là thảm thực vật che phủ hiện nay thấp, diện tích chừa sử dụng còn chiếm trên 48% tổng diện tích tự nhiên. Trên diện tích này đất vẫn đang bị xói mòn, rửa trôi làm giảm tầng đất, giảm độ phì nhiêu, gây ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống và cảnh quan môi trường ở một số nơi, các loại động vật rừng giảm sút nghiêm trọng. Vì vậy việc khai thác sử dụng tài nguyên hợp lý, cải thiện, công tác phòng dịch bệnh đã được tổ chức thực hiện tốt trên địa bàn xã, hầu hết trẻ dưới 1 tuổi đều được tiêm chủng các loại vắc xin phòng chống suy dinh dưỡng, sởi, bạch hầu.

### **2.2.3. Cơ sở hạ tầng**

#### *Giao thông*

Hệ thống đường giao thông của xã còn nhiều khó khăn nên ảnh hưởng lớn đến việc phát triển kinh tế của địa phương. Hiện tại có 2 đường vào trung tâm xã Hua Nhàn, đường thứ nhất đường quốc lộ 37 từ huyện Bắc Yên rẽ vào xã Hua Nhàn dài 50km, đường thứ 2 đường quốc lộ 6 từ Huyện Yên Châu rẽ vào dài 35km. Hệ thống giao thông thuộc loại đường đất, do cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội xã còn chừa phát triển nên ảnh hưởng đến chất lượng thấp và việc đi lại của người dân. Tuy nhiên, trong những năm gần đây được sự quan tâm của nhà



nước và chính quyền địa phương nên hạ tầng giao thông đã có sự cải thiện, giảm bớt khó khăn về vấn đề giao thông cho người dân.

#### *Thủy lợi*

Hiện tại xã vẫn cho xây dựng được các kênh mương dẫn nước để trồng lúa nước và các cây nông nghiệp khác. Do vậy, ảnh hưởng đến việc phát triển sản xuất của người dân. Đây cũng là vấn đề mà chính quyền địa phương cần quan tâm giải quyết.

#### *Hệ thống đường điện*

Hiện nay xã đã có điện lưới quốc gia và đường dây hạ thế cung cấp đủ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của các hộ gia đình. Điều này đã làm cải thiện đáng kể chất lượng đời sống cũng như điều kiện về sản xuất cho người dân.

#### **2.3.4. Cơ sở văn hóa**

##### *Về Giáo dục, đào tạo:*

Chỉ đạo các nhà trường thực hiện tốt công tác dạy và học, tăng cường công tác quản lý về chuyên môn, quản lý tài sản và quản lý học sinh bán trú, tổ chức tốt công tác nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú đảm bảo vệ sinh, đúng tiêu chuẩn, đảm bảo sỹ số học sinh, tổ chức thi hết cấp đối với học sinh tiểu học, hoàn thành xét tốt nghiệp cho học sinh lớp 5, lớp 9, tổng kết năm học theo kế hoạch.

##### **Kết quả năm học 2018 - 2019.**

+ **Trường mầm non:** Tổng số lớp học 16 lớp, số cán bộ, giáo viên, nhân viên 25 người, tổng số trẻ ra lớp 349 trẻ.

+ **Trường tiểu học:** Tổng số lớp là 35, cán bộ giáo viên là 50; số học sinh đầu năm học 636 học sinh, cuối năm là 627 học sinh; 05 học đình bỏ học do hoàn cảnh gia đình khó khăn; 04 học sinh chuyển trường.

+ **Trường THCS:** Tổng số lớp học 8 lớp với số cán bộ giáo viên 20; số học sinh cuối năm là 295 học sinh, trong đó ở bán trú 203 học sinh, số học sinh giỏi 04, chiếm 1,36%; học sinh khá: 100, chiếm 34%.

Năm học 2019-2020: Chỉ đạo các đơn vị trường thực hiện tốt công tác đầu năm học mới, chỉ đạo 03 đơn vị trường học khai giảng năm học mới 2019-2020, tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú đảm bảo vệ sinh, đúng chế độ tiêu chuẩn.

Tổ chức thành công lễ khai giảng năm học mới 2019 - 2020; với 03 đơn vị trường học; trong đó:

+ **Triều THCS**: có 9 lớp, trong đó cán bộ, giáo viên và nhân viên 22, số học sinh đầu năm học 336 học sinh.

+ **Triều Tiểu học xã Hua Nhàn**: có 35 lớp, trong đó cán bộ, giáo viên, nhân viên 51, số học sinh 633 trong đó dân tộc thiểu số 629 học sinh, bán trú là 232 học sinh.

+ **Triều Mầm Non Ánh Dương**: có 17 lớp, trong đó cán bộ, giáo viên, nhân viên 24, số trẻ em 362 trẻ.

*Về Văn hoá - Thông tin, thể dục, thể thao:*

Tập trung chỉ đạo tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đường lối chính sách của đảng và pháp luật của nhà nước.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhân dịp tết đồng bào dân tộc hmông và tết nguyên đán Mậu Tuất 2018.

Thành lập các đoàn công tác đi tuyên truyền và vận động các em học sinh trở lại trường học và nắm bắt tình hình tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Tuyên truyền kỷ niệm 42 năm ngày giải phóng miền nam thống nhất đất nước 30/4, kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 01/5, tuyên truyền kỷ niệm 128 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2018), tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân rèn luyện theo thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

*Về Y tế*

Tăng cường tuyên truyền vệ sinh phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình và thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho **Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại [luanvantot.com](http://luanvantot.com)**

nhân dân, đặc biệt là công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi.

Trong 6 tháng đầu năm 2018 đã khám bệnh cho 508 bệnh nhân, tổ chức tiêm chủng BCG 46, bệnh bạch hầu, ho gà, uốn ván 98, bại liệt là 98, sởi là 326 trẻ em từ 0 đến 5 tuổi, trẻ đờ ọc uống VitaminA 387, trẻ uống thuốc tẩy giun 630 trẻ, số trẻ em sinh ra 57, nam 46 trẻ, con thứ 3 trở lên 26 trẻ.

Chỉ đạo và hướng dẫn nhân dân cách phòng, tránh và điều trị kịp thời các dịch bệnh, đặc biệt là các loại dịch bệnh vào mùa đông. Tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các quán bán hàng tạp hóa trên địa bàn xã.

#### *Về chính sách an sinh - xã hội:*

Chỉ đạo thực hiện kịp thời có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng.

Thành lập các tổ công tác của xã đến các bản thăm, chúc tết, tặng quà cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn từ nguồn quỹ.

Tình hình tổ chức đón tết cho nhân dân và các đối tượng chính sách xã hội, trên địa bàn. Nhân dịp tết nguyên đán ủy ban nhân dân xã phối hợp với các ngành chức năng tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn từ các nguồn quỹ.

Quỹ vì người nghèo của mặt trận tổ quốc tỉnh 07 suất với tổng giá trị 300.000 đồng/suất, nguồn ngân sách xã 34 suất với tổng trị giá 20.000đ/suất, hội bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi 20 suất với 200.000đ/suất, Quỹ thiện tâm tập đoàn VINGROUP hỗ trợ 70 suất với tổng giá trị 500.000đ/suất. Nguồn quỹ của ngân hàng Bắc Ninh hỗ trợ 18 suất với tổng trị giá 300.000 đồng/suất.

Rà soát các hộ gia đình đói giáp tết để hỗ trợ gạo cho 21 hộ với 103 nhân khẩu với 1.545 kg với tổng trị giá 16.995.000 đồng.

#### *Về quốc phòng:*

Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trong 6 tháng đầu năm tổ chức điều khám sơ tuyển 25 đồng chí, khám tại huyện 12 đồng chí, đạt loại I là 8 đồng chí, hoàn thiện 6 hồ sơ, trong đó quân sự 4 đồng chí và công an 2 đồng chí.

Tổ chức huấn luyện DQTV năm 2018 với tổng quân số tham gia là 71

đồng chí, qua kiểm tra đánh giá kết quả 100% đạt yêu cầu, 50 % đạt khá, giỏi.  
Huấn luyện DQTV năm thứ nhất tại xã Chiềng Sại 12 đồng chí tham gia.

Tổ chức xây dựng 5 đầu kế hoạch lớn, tổ chức đăng ký quản lý lực lượng dự bị động viên, công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ.

*Về an ninh:*

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được đảm bảo ổn định và giữ vững. Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác phòng chống các tệ nạn xã hội và tội phạm ma túy trên địa bàn.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhân dân chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, ổn định đời sống, sản xuất lâu dài. Tổ chức thành công hội nghị tổng kết công tác an ninh trật tự năm 2018 và triển khai kế hoạch, chương trình công tác năm 2019.

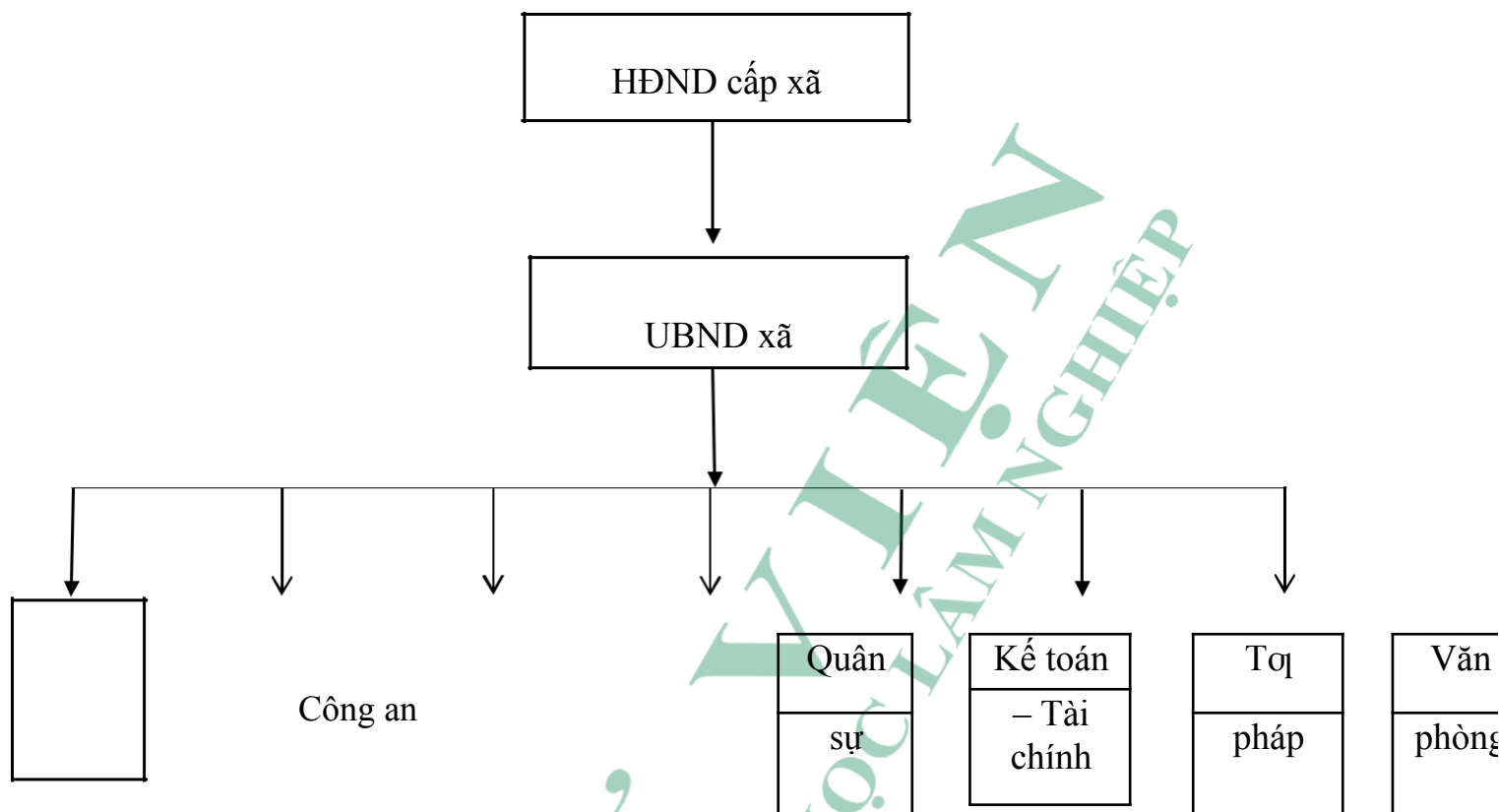
### **2.3. Tổ chức bộ máy chính quyền xã**

Với sự phát triển của hiện nay chính quyền xã là một yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy nền kinh tế. Với mô hình hoạt động trực tuyến nhọ hiện nay, mỗi một bộ trong bộ máy chính quyền chỉ nhận mệnh lệnh trực tiếp từ cấp trên và chịu trách nhiệm về bộ phận mình đảm nhiệm. Để hiểu rõ về tổ chức bộ máy chính quyền xã.





Đưới đây là sơ đồ 2.1. biểu thị về tổ chức bộ máy chính quyền xã.



*Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy chính quyền xã*

## 2.4. Đánh giá chung về thuận lợi và khó khăn của điều kiện kinh tế xã hội

### 2.4.1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của huyện ủy - HĐND - UBND huyện, sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của các ban ngành trong huyện.

- Nền kinh tế tăng trưởng khá, kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, dịch vụ thương mại có bước phát triển đáng kể, cơ sở hạ tầng được đầu tư tương đối đồng bộ, làm việc ổn định, đường giao thông trung tâm xã, hệ thống đường giao



thông từ trung tâm xã đi các bản và đờng  
giao thông liên bản đờc thông suất.

- Hệ thống thủy lợi nước sinh hoạt  
đờc đầu tỵ cơ bản đáp ứng yêu cầu phát  
triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng  
phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân.  
các chính sách xã hội đờc quan tâm hỗ trợ  
kịp thời cho các hộ nghèo.

- Xã có dân số trẻ, nguồn lao động  
dồi dào, cần cù, chịu khó và do kinh

ng  
hiệ  
m  
trò  
ng  
trọt  
lâu  
nă  
m  
của  
ng  
ợ  
i  
dâ  
n.

23

- Điều kiện về thời tiết khí hậu thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp và trồng cây ăn quả như xoài, táo sơn tra.

- Có nền văn hóa độc đáo của các dân tộc, có nhiều phong tục tập quán, lễ hội đặc sắc.

- Hệ thống giao thông ngày càng được cải thiện, nhiều tuyến đường mới xây dựng đáp ứng nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa.

- Môi trường tự nhiên độc đáo là một lợi thế để có thể khai thác phát triển du lịch qua đó nâng cao đời sống cho người dân.

- Sự quan tâm, tạo điều kiện và nỗ lực của các cấp chính quyền địa phương cũng là một điều kiện thuận lợi để địa phương có những bước phát triển nhanh

trong tương lai.

#### **2.4.2. Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi, xã Hua Nhân cũng còn gặp nhiều hạn chế, khó khăn. Cụ thể:

- Chế độ khí hậu theo mùa đã ảnh hưởng không nhỏ đối với đời sống sản xuất của nhân dân trong xã. Mùa mưa lượng mưa lớn gây sạt lở, xói mòn và ngập úng một số diện tích đất nông nghiệp. Mùa khô lượng mưa ít gây ra tình

trạng hạn hán, thiếu nước không đủ để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- Lao động trong độ tuổi có trình độ văn hóa, nhận thức còn thấp chưa đáp ứng kịp những tiến bộ về khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển. Hiện tại, chỉ có 30% lao động đã qua đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, số còn lại chủ yếu làm những công việc đơn giản, lao động chân tay. Vì vậy, đây chính là khó khăn lớn nhất trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Tình hình an ninh trật tự còn phức tạp do thiếu hiểu biết của người dân còn hạn chế. Nhiều thủ tục vẫn còn tồn tại làm ảnh hưởng và hạn chế khả năng

phát triển về mọi mặt của nhân dân.

- Hệ thống giao thông còn nhiều khó khăn dẫn đến hệ thống thương mại yếu kém và chững phát triển. Phần lớn hàng hóa sản xuất ra còn gặp nhiều

khó khăn trong tiêu thụ và thường bị tọng thương ép giá.

- Do xã cách xa trung tâm huyện đường giao thông đi lại khó khăn nhất là vào mùa mưa bão, đời sống nhân dân bị ảnh hưởng về nhà cửa do mưa lũ, trang thiết bị máy móc còn thiếu thôn chọạ đáp ứng đợc nhu cầu công việc hàng

ngày.

- Xã có địa hình đồi núi cao, suối sâu chia cắt địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của bà con nhân dân. Tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao, nguồn thu ngân sách trên địa bàn còn nhỏ lẻ, phân tán.

- Giá cả thị trường một số hàng hoá tiếp tục tăng mạnh, giá nguyên vật liệu và một số mặt hàng tiêu dùng khác làm ảnh hưởng đến sản xuất hàng hoá và tiêu dùng của nhân dân.





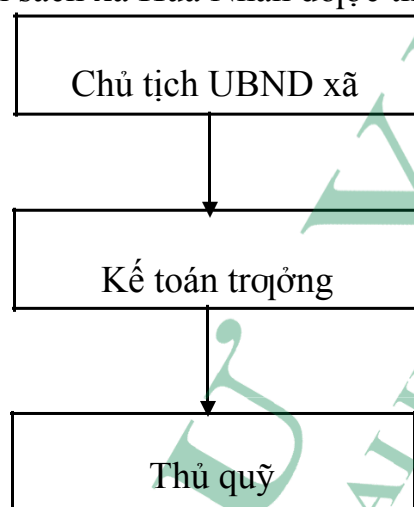
## CHƯƠNG 3

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU – CHI NGÂN SÁCH TẠI

#### XÃ HUA NHÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA

##### 3.1. Tổ chức bộ máy quản lý tài chính ngân sách xã

Theo quy định hiện nay tất cả các xã, phường, thị trấn đều có ban tài chính để thực hiện các nhiệm vụ thu chi ngân sách ở địa phương. Bộ máy quản lý tài chính ngân sách xã Hua Nhân được thể hiện trên sơ đồ sau:



*Hình 3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý ngân sách xã Hua Nhân*

Để đáp ứng yêu cầu công việc và tăng cường công tác quản lý tài chính ngân sách xã, 100% cán bộ trong ban tài chính xã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý tài chính – ngân sách và các kiến thức quản lý nhà nước. Cán bộ kế toán ngân sách xã được đào tạo cơ bản và thực hiện đào tạo lại nghiệp vụ kế toán mới cho cán bộ làm công tác tài chính, thường xuyên nâng cao trình độ, chuyên môn, đặc biệt kiến thức quản lý tài chính công để đảm bảo nhiệm vụ trong cơ chế thị trường hiện nay.

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:

- *Chủ tịch UBND xã:*

+ Tham mưu xây dựng kế hoạch của thu – chi ngân sách xã và tổ chức thực hiện có mục tiêu hiệu quả.

+ Kiểm tra, đôn đốc các hoạt động thu – chi ngân sách xã.

- Kế toán trưởng:

- + Thực hiện chi, và kiểm soát chi đảm bảo đúng chế độ, đúng nội dung.
- + Báo cáo kết quả thực hiện thu – chi ngân sách xã theo đúng quy định của pháp luật.

- Thủ quỹ:

- + Quản lý quỹ tiền mặt ngân sách xã của UBND xã,
- + Xuất tiền mặt khi có lệnh chi và thu tiền vào quỹ theo quy định.
- + Định kỳ hoặc đột xuất lập báo cáo và đối chiếu tiền mặt tại quỹ với sổ sách của kế toán.

### 3.2. Công tác lập dự toán thu – chi ngân sách xã Hua Nhàn

Lập dự toán ngân sách xã là tiền đề cực kỳ quan trọng để thực hiện tiếp hai khâu sau. Nhận thức được điều này xã đã tiến hành tuân thủ qui trình lập dự toán theo quy định của luật ngân sách nhà nước.

+ Thực hiện quyết định của chủ tịch UBND huyện về việc giao chỉ tiêu dự toán năm đơn vị căn cứ lập dự toán ngân sách gồm hai phần đó là:

- Dự toán thu ngân sách chi tiết đảm bảo đúng nguyên tắc do xã được phân cấp quản lý các nguồn thu tại chỗ xã hưởng 100% và các khoản thu theo tỷ lệ điều tiết của các cấp;

- Dự toán chi ngân sách, trong đó có dự toán chi chi tiết cho chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

**Bảng 3.1. Bảng dự toán thu – chi ngân sách xã năm 2018 – 2020**

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung                 | Dự toán năm 2018 (đồng) | Dự toán năm 2019 (đồng) | Dự toán Năm 2020 (đồng) |
|----|--------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| I  | <b>Tổng thu</b>          | <b>2.579.007.000</b>    | <b>2.784.866.310</b>    | <b>3.178.251.620</b>    |
| 1  | Các khoản thu hưởng 100% | 741.716.000             | 853.171.000             | 940.534.620             |
| 2  | Thu bổ sung từ cấp       | 1.290.000.000           | 1.406.357.000           | 1.320.000.000           |

|           |   |                      |                      |                      |
|-----------|---|----------------------|----------------------|----------------------|
|           | trên                                    |                      |                      |                      |
| 3         | Các khoản thu phân theo tỷ lệ phần trăm | 547.291.000          | 525.338.310          | 917.717.000          |
| <b>II</b> | <b>Tổng chi</b>                         | <b>1.768.690.000</b> | <b>2.311.410.000</b> | <b>2.268.919.000</b> |
| 1         | Chi đầu tư phát triển                   | 809.417.000          | 1.046.406.000        | 1.112.105.000        |
| 2         | Chi thường xuyên                        | 959.273.000          | 1.265.004.000        | 1.156.814.000        |

( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã Hua Nhàn và tính toán của tác giả )

Tổng dự toán thu qua các năm có xu hướng tăng dần cụ thể như:

Trong năm 2019, xã dự toán chi đầu tư phát triển tăng lên 236.989.000 đồng so với dự toán năm 2018. Nguyên nhân tăng là do năm 2019 xã cần xây dựng trường học cho các em học sinh trung học cơ sở.

Dự toán chi thường xuyên là khoản chi cố định cho bộ máy quản lý của xã và các vấn đề an sinh xã hội trong xã nên xã đã lập dự toán sát với các năm.

Để cân đối thu chi ngân sách xã trong năm 2018 thì nguồn thu trong xã phải bảo đảm chi. Do trong năm 2018, xã phấn đấu cải thiện cơ sở hạ tầng, khoản thu để đảm bảo chi thì xã dự toán tăng thu trong năm 2019 chủ yếu là do đóng góp của nhân dân trong xã và thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, các khoản thu này đều lập dự toán tăng cao so với năm 2018 và 2020.

Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm là khoản thu điều tiết với ngân sách cấp trên dựa vào tình hình phát triển kinh tế của xã và phoyog hướng phát triển của xã trong năm, năm 2020 cao nhất là 917.717.000 đồng.

Tình hình phát triển của xã đã thực hiện tốt dự toán thu, chi ngân sách tổng thu phải luôn cao hơn so với tổng chi, qua đó ta thấy trong năm 2018 - 2020 phù hợp với điều kiện của xã và đảm bảo thu, chi trong xã.

### **3.3 Thực trạng quản lý thực hiện thu ngân sách xã Hua Nhàn**

#### **3.3.1 Kết quả tổng hợp thực hiện thu ngân sách xã Hua Nhàn**

Nội dung thu ngân sách bao gồm: Các khoản thu hoyng 100%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%), thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Trong 3 năm vừa qua xã tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Hua Nhàn tiếp tục ổn định và phát triển. Hoạt động thu ngân sách góp phần giải quyết kịp thời và đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phoyog. Để đạt đoyoc kết quả tốt đó là nhờ tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, đảng viên, các ban ngành đoàn thể đã nỗ lực thực hiện công tác để thu ngân sách với doanh số cao. Đồng thời có sự chi

đạo và quan tâm của cấp trên đối với UBND xã. Hoạt động thu ngân sách xã qua 3 năm 2017-2019 được thể hiện qua bảng 3.2 như sau:

**Bảng 3.2. Bảng tổng hợp kết quả thực hiện dự toán thu năm 2017 – 2019**

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung                                   | Năm 2017             |                      |              | Năm 2018             |                      |               | Năm 2019             |                      |              |
|--|----------------------|----------------------|--------------|----------------------|----------------------|---------------|----------------------|----------------------|--------------|
|  | Dự toán<br>(đồng)    | Thực hiện<br>(đồng)  | TH/DT<br>(%) | Dự toán<br>(đồng)    | Thực hiện<br>(đồng)  | TH/DT<br>(%)  | Dự toán<br>(đồng)    | Thực hiện<br>(đồng)  | TH/DT<br>(%) |
| <b>Tổng thu</b>                            | <b>2.579.007.000</b> | <b>2.378.354.000</b> | <b>92,21</b> | <b>2.478.509.310</b> | <b>2.677.709.200</b> | <b>108,03</b> | <b>3.178.251.620</b> | <b>3.123.654.000</b> | <b>98,28</b> |
| Các khoản thu<br>hạng 100%                 | 741.716.000          | 724.754.000          | 97,71        | 853.171.000          | 755.499.200          | 88,55         | 940.534.620          | 916.554.000          | 97,45        |
| Các khoản thu<br>phân chia theo<br>tỷ lệ % | 547.291.000          | 547.200.000          | 99,98        | 525.338.310          | 516.210.000          | 98,26         | 917.717.000          | 897.048.000          | 97,74        |
| Thu bổ sung<br>ngân sách cấp<br>trên       | 1.290.000.000        | 1.106.400.000        | 85,76        | 1.406.357.000        | 1.406.000.000        | 99,97         | 1.320.000.000        | 1.310.052.000        | 99,24        |

( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã và tính toán của tác giả)



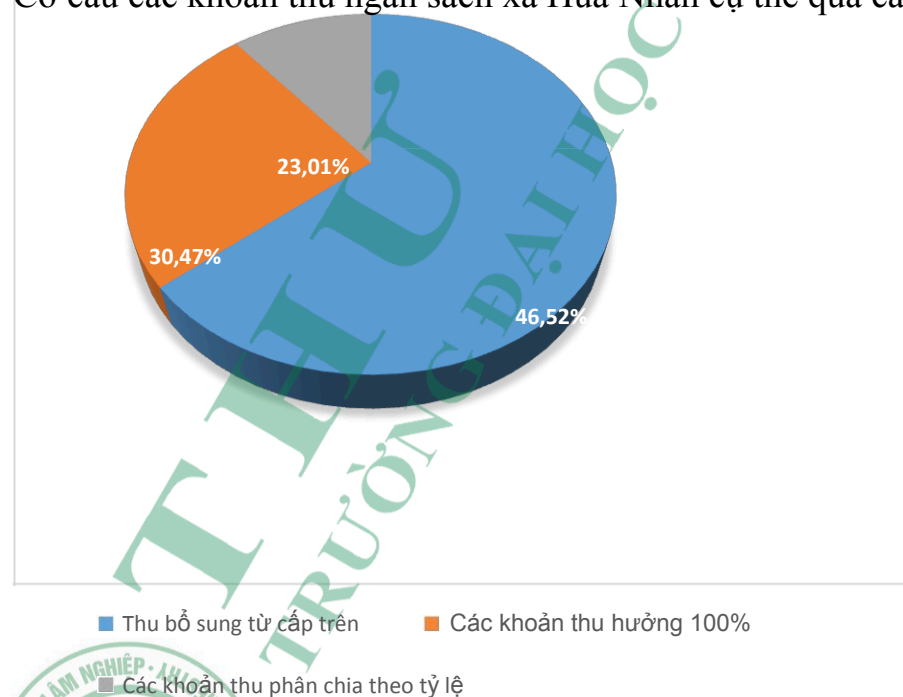


Qua bảng 3.2 ta thấy, thực hiện thu ngân sách của xã so với dự toán năm 2017 đạt 92,21%; năm 2018 đạt 95,15% và năm 2019 đạt 98,28%. Các hoạt động thu ngân sách của xã được thực hiện dựa trên cơ sở bảng dự toán thu đã được lập đầu năm. Do vậy xã đã thực hiện sát sao việc thu ngân sách đảm bảo theo đúng quy định, thu đúng và thu đủ so với dự toán được duyệt.

### 3.3.2. Thực trạng thực hiện chi tiết các khoản thu ngân sách tại xã Hua Nhân qua các năm 2017 - 2019

Thu ngân sách xã là công việc rất quan trọng, đây là việc tạo lập quỹ tiền tệ của xã nhằm thực hiện các nhiệm vụ của cấp trên giao và các hoạt động của xã có hiệu quả.

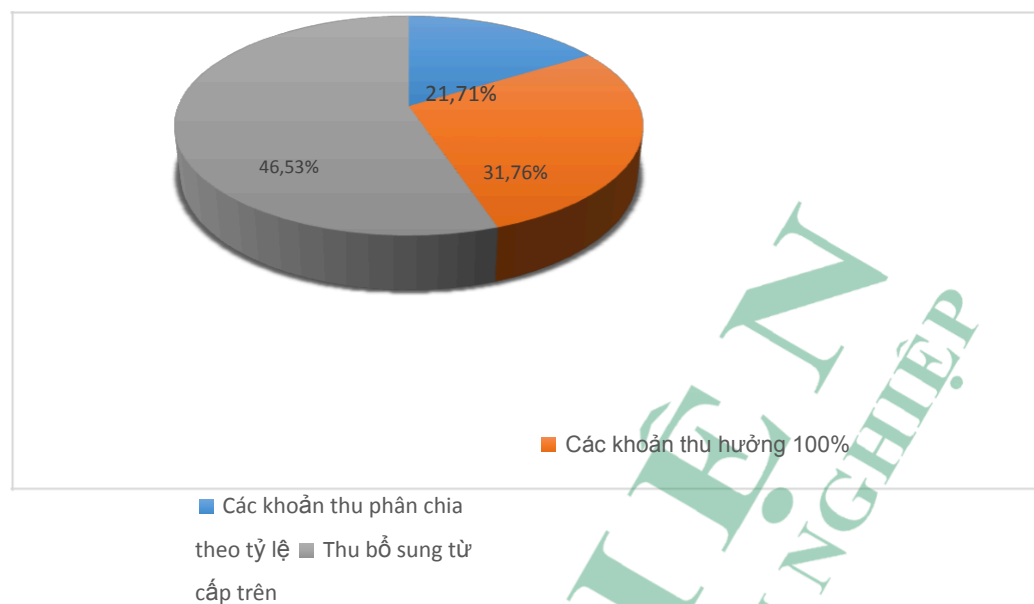
Cơ cấu các khoản thu ngân sách xã Hua Nhân cụ thể qua các năm như sau:



**Biểu đồ 3.1. Cơ cấu các khoản thu ngân sách tại xã Hua Nhân năm 2017**

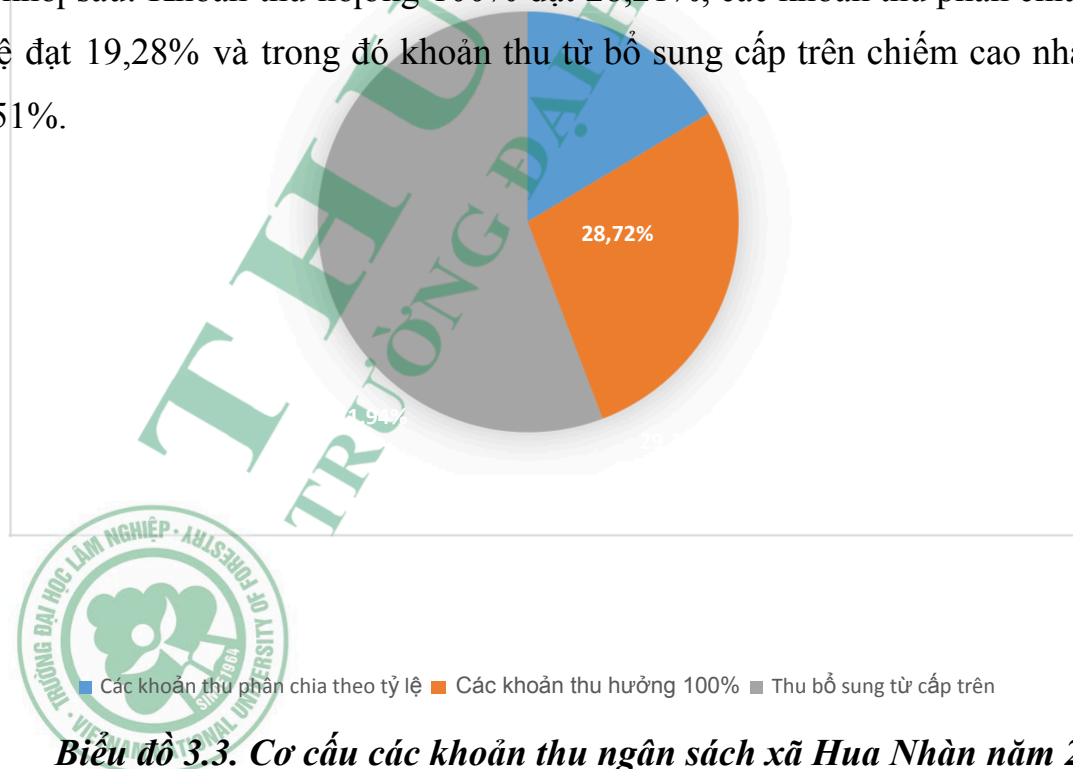
Tổng thu ngân sách năm 2017 là 2.378.354.000 đồng, bao gồm các khoản thu như sau: Khoản thu hưởng 100% đạt 30,47%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ đạt 23,01% và trong đó khoản thu từ bổ sung cấp trên chiếm cao nhất đạt 46,52%.





**Biểu đồ 3.2. Cơ cấu các khoản thu ngân sách tại xã Hua Nhàn năm 2018**

Tổng thu ngân sách năm 2018 là 2.677.709.200 đồng, bao gồm các khoản thu như sau: Khoản thu hưởng 100% đạt 28,21%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ đạt 19,28% và trong đó khoản thu từ bổ sung cấp trên chiếm cao nhất đạt 52,51%.



**Biểu đồ 3.3. Cơ cấu các khoản thu ngân sách xã Hua Nhàn năm 2019**

Tổng thu ngân sách xã Hua Nhàn năm 2019 là 3.123.654.000 đồng bao gồm các khoản thu như sau: Khoản thu hưởng 100% đạt 29,34%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ đạt 28,72%, thu bổ sung từ cấp trên đạt 41,94% đạt cao nhất.



**\* Các khoản thu hưởng 100% của xã qua các năm 2017 - 2019**

Các khoản thu hưởng 100% qua 3 năm đạt TĐPTBQ là 112,78% trong đó thu từ đóng góp của người dân theo quy định đạt 135,69%; thu từ sự đóng góp tự nguyện cá nhân đạt 140,5%. Qua đó cho thấy xã đã làm tốt công tác thu các khoản này, có được như vậy là do việc thực hiện công khai minh bạch các khoản thu chi trong xã được thực hiện nghiêm túc nên đã có được sự tín nhiệm và tin tưởng của người dân cũng như các đơn vị kinh doanh trên địa bàn. Vì vậy các khoản thu hàng năm được thực hiện thu đầy đủ phục vụ tốt cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã.

**Bảng 3.3. Các khoản thu hưởng 100% năm 2017- 2019**

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung                               | Năm 2017<br>(đồng) | Năm 2018<br>(đồng) | Năm 2019<br>(đồng) | TĐPTLH (%)    |               | TĐPTBQ<br>(%) |
|----|--|--------------------|--------------------|--------------------|---------------|---------------|---------------|
|    |  |                    |                    |                    | 2018/2017     | 2019/2018     |               |
| 1  | Phí, lệ phí                            | 6.109.000          | 5.530.000          | 6.130.000          | 90,52         | 110,85        | 100,69        |
| 2  | Thu từ các hoạt động kinh tế sự nghiệp | 25.000.000         | 28.112.200         | 33.831.000         | 112,45        | 120,34        | 116,40        |
| 3  | Thu từ quỹ đất công ích và đất công    | 60.041.000         | 99.702.000         | 60.719.000         | 166,06        | 60,90         | 113,48        |
| 4  | Đóng góp của nhân dân theo quy định    | 110.604.000        | 110.850.000        | 189.730.000        | 100,22        | 171,16        | 135,69        |
| 5  | Thu từ sự đóng góp tự nguyện cá nhân   | 23.000.000         | 11.000.000         | 25.650.000         | 47,83         | 233,18        | 140,50        |
| 6  | Thu kết đối ngân sách năm trước        | 500.000.000        | 500.305.000        | 600.494.000        | 100,06        | 120,03        | 110,04        |
| 7  | <b>Tổng</b>                            | <b>724.754.000</b> | <b>755.499.200</b> | <b>916.554.000</b> | <b>104,24</b> | <b>121,32</b> | <b>112,78</b> |

( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã và tính toán của tác giả )



**\* Các khoản thu theo tỷ lệ % của xã qua các năm 2017-2019**

Qua bảng 3.4 ta thấy các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm qua 3 năm đạt TĐPTBQ là 134,06. Trong đó: thuế môn bài TĐPTBQ đạt 310,65%; lệ phí đạt 137,39%, thuế nhà đất đạt 114,6% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ do huyện quy định đạt 130,04%.

Các khoản thu đạt kết quả tốt do xã đã có định hướng phát triển kinh tế phù hợp, đặc biệt các hoạt động phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn được chú trọng. Xã đã không chỉ thực hiện tốt việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng để đem lại năng suất và hiệu quả cao cho người dân mà còn mạnh dạn thực hiện gia tăng các hoạt động dịch vụ qua hợp tác xã. Do đó kết quả sản xuất tăng làm gia tăng các nguồn thu cho ngân sách xã.

**Bảng 3.4. Bảng các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % xã Hua Nhân**

Đơn vị

tính: đồng

|   | Nội dung   | Năm 2017<br>(đồng) | Năm 2018<br>(đồng) | Năm 2019<br>(đồng) | TĐPTLH (%)   |               | TĐPTBQ<br>(%) |
|---|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------------|---------------|
|   |  |                    |                    |                    | 2018/2017    | 2019/2018     |               |
| 1 | Thuế nhà đất   | 25.100.000         | 25.000.000         | 32.400.000         | 99.60        | 129.60        | 114.60        |
| 2 | Thuế môn bài   | 17.000.000         | 13.709.000         | 74.120.000         | 80.64        | 540.67        | 310.65        |
| 3 | Lệ phí trước bạ nhà đất                              | 5.100.000          | 7.000.000          | 9.627.000          | 137.25       | 137.53        | 137.39        |
| 4 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ do huyện quy định | 500.000.000        | 470.501.000        | 780.901.000        | 94.10        | 165.97        | 130.04        |
| 5 | <b>Tổng</b>  | <b>547.200.000</b> | <b>516.210.000</b> | <b>897.048.000</b> | <b>94.34</b> | <b>173.78</b> | <b>134.06</b> |

( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã Hua Nhân và tính toán của tác giả )



*\* Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên của xã qua các năm 2017 - 2019*

Các khoản thu từ ngân sách cấp trên được thể hiện qua bảng 3.5 như sau: Các khoản thu từ ngân sách cấp trên của xã Hua Nhân có tốc độ phát triển bình quân đạt 110,13%, trong đó thu bổ sung cân đối ngân sách đạt 114,11%, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên đạt 96,99%. Qua đây ta cũng thấy các khoản thu từ ngân sách cấp trên về cơ bản được thu bổ sung kịp thời phục vụ cho thực hiện các mục tiêu cụ thể đã được tỉnh, huyện giao và cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đã đặt ra trong kế hoạch phát triển hàng năm của xã. Đặc biệt các hoạt động thu này nhằm chú trọng cho các mục tiêu xóa đói giảm nghèo thông qua các chương trình hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước luôn được xã kịp thời thực hiện nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chủ trương chính sách hỗ trợ cho người dân trong xã.

***Bảng 3.5. Bảng các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên xã Hua Nhân***

|   | Nội dung                                | Năm 2017<br>(đồng)   | Năm 2018<br>(đồng)   | Năm 2019<br>(đồng)   | TĐPTLH (%) |           | TĐPTBQ<br>(%) |
|---|---|----------------------|----------------------|----------------------|------------|-----------|---------------|
|   |   |                      |                      |                      | 2018/2017  | 2019/2018 |               |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách           | 1.000.000.000        | 1.305.000.000        | 1.210.000.000        | 130.5      | 92.72     | 114,11        |
| 2 | Thu bổ sung có MT từ ngân sách cấp trên | 106.400.000          | 101.000.000          | 100.052.000          | 94.92      | 99.06     | 96,99         |
| 3 | <b>Tổng</b>                             | <b>1.106.400.000</b> | <b>1.406.000.000</b> | <b>1.310.052.000</b> | 127.08     | 93.18     | 110.13        |

***( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã Hua Nhân và tính toán của tác giả )***





### **3.4 Thực trạng quản lý thực hiện chi ngân sách xã Hua Nhàn qua các năm 2017-2019**

#### **3.4.1 Kết quả tổng hợp thực hiện chi ngân sách xã Hua Nhàn**

Các khoản chi ngân sách xã bao gồm: Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và chi khác.

Chi ngân sách xã nhằm đảm bảo các mục tiêu cơ bản của chính quyền xã nhờ đảm bảo an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội, sự nghiệp kinh tế, giáo dục đào tạo, y tế, giao thông, duy trì hoạt động của các cơ quan, các tổ chức đoàn thể của xã và chi cho đầu tư phát triển.

Kết quả tổng hợp thực hiện chi ngân sách xã Hua Nhàn qua các năm 2017-2019 được thể hiện qua bảng 3.6 như sau: qua bảng 3.6 ta thấy tổng chi ngân sách qua 3 năm đạt tốc độ phát triển bình quân 110,22%, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 113,31%; chi thường xuyên đạt 107,63%. Như vậy về tổng chi cũng như các khoản chi đều có xu hướng tăng qua 3 năm.

#### **3.4.2 Thực trạng thực hiện chi tiết các khoản chi ngân sách tại xã Hua Nhàn qua các năm 2017 - 2019**

Thực hiện chi ngân sách xã theo đúng quy định của nhà nước đóng vai trò quan trọng nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo kế hoạch hàng năm của xã. Cơ cấu các khoản chi qua các năm được thể hiện như sau: chi thường xuyên thường chiếm tỷ trọng trên 50% cụ thể năm 2017 chiếm 54,99%; năm 2018 chiếm 52,66% và năm 2019 chiếm 52,44%, tương ứng các khoản chi đầu tư phát triển năm 2017 chiếm 45,01%, năm 2018 chiếm 47,34% và năm 2019 chiếm 47,56%. Cơ cấu các khoản chi như vậy là phù hợp với đặc thù của một xã khó khăn miền núi bên cạnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng còn cần tập trung cho các hoạt động chi nhằm nâng cao đời sống vật chất tinh thần và chăm sóc sức khỏe của người dân cũng như các hoạt động đoàn thể, tổ chức hội...nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết từ đó thực hiện tốt chủ trương chính sách an sinh xã hội của nhà nước.



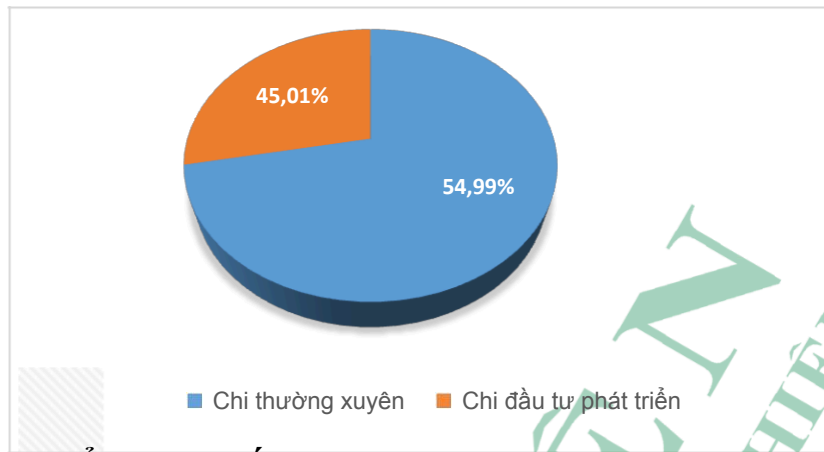
*Bảng 3.6 Kết quả tổng hợp thực hiện chi ngân sách xã Hua Nhàn*

| Nội dung              | Năm 2017<br>(đồng)   | Năm 2018             |               | Năm 2019             |               | TĐPTBQ<br>(%) |
|-----------------------|----------------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|---------------|
|                       |                      | Thực hiện<br>(đồng)  | TĐPTLH<br>(%) | Thực hiện<br>(đồng)  | TĐPTLH<br>(%) |               |
| <b>Tổng chi</b>       | <b>1.817.210.000</b> | <b>2.452.339.000</b> | <b>134,95</b> | <b>2.207.716.000</b> | <b>90,02</b>  | <b>110,22</b> |
| Chi đầu tư phát triển | 817.920.000          | 1.161.000.000        | 141,94        | 1.050.000.000        | 90,43         | 113,31        |
| Chi thường xuyên      | 999.290.000          | 1.291.339.000        | 129,22        | 1.157.716.000        | 89,65         | 107,63        |

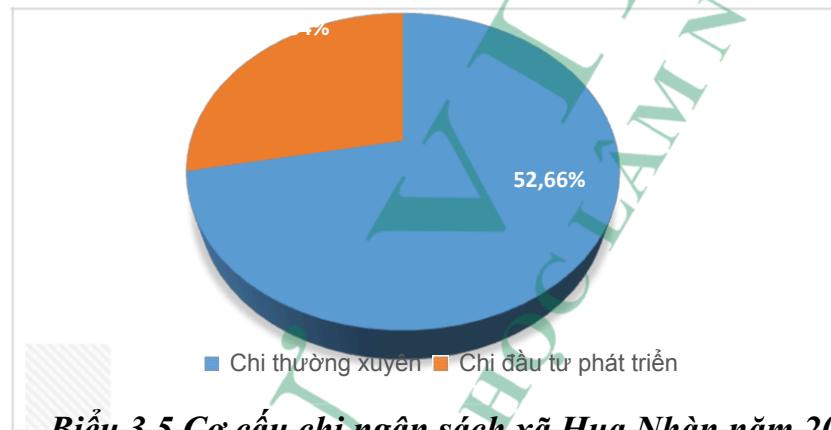
*( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã Hua Nhàn và tính toán của tác giả )*



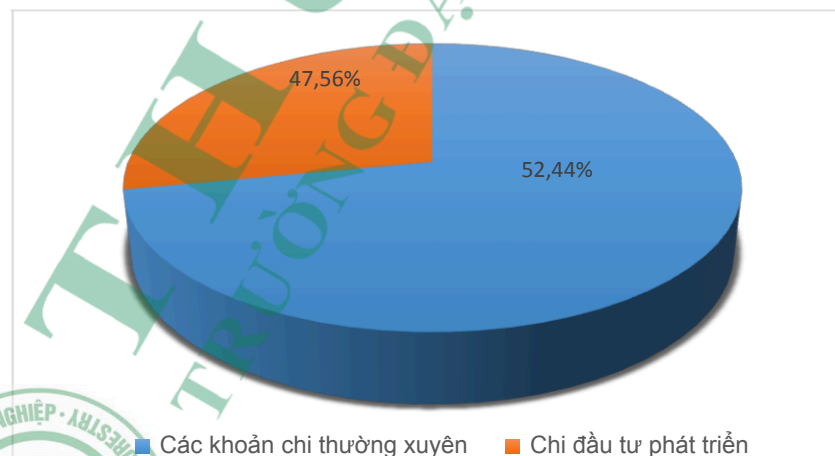




**Biểu 3.4 Cơ cấu chi ngân sách xã Hua Nhon năm 2017**



**Biểu 3.5 Cơ cấu chi ngân sách xã Hua Nhon năm 2018**



**Biểu 3.6 Cơ cấu chi ngân sách xã Hua Nhon năm 2018**



*\* Kết quả thực hiện chi đầu tư phát triển xã Hua Nhân các năm 2017-2019*

Chi đầu tư phát triển có vai trò rất quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện mục tiêu ổn định, tạo điều kiện góp phần nâng cao năng suất lao động. Vì vậy khoản chi đầu tư phát triển này đóng vai trò rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội tại xã. Thực tế thực hiện các khoản chi phát triển qua các năm của xã Hua Nhân được thể hiện qua bảng 3.7 sau đây:

Tổng các khoản chi đầu tư phát triển qua 3 năm đạt tốc độ phát triển bình quân là 116,9% trong đó chi xây dựng cơ bản đạt 120,52% và chi đầu tư phát triển khác đạt 108,83%.

Trong những năm vừa qua xã đã thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất, mặt khác được cấp trên hỗ trợ kinh phí cùng với sự đóng góp của nhân dân trong xã nên các tuyến đường đi lại đến các bản đã được khắc phục hư hỏng, chợ vùng cao xã Hua Nhân được xây dựng đưa vào hoạt động để phát triển kinh tế, xây dựng, sửa chữa trường học cho học sinh, sửa chữa và nâng cấp boqu điện xã góp phần nâng cao trình độ giáo dục và dân trí cho người dân trong xã ngày càng tốt hơn.

**Bảng 3.7 Kết quả tổng hợp chi đầu tư phát triển xã Hua Nhân**

| TT | Nội dung                   | Năm 2017<br>(đồng) | Năm 2018<br>(đồng)   | Năm 2019<br>(đồng)   | TĐPTLH (%)    |              | TĐPTBQ<br>(%) |
|----|----------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|---------------|--------------|---------------|
|    |                            |                    |                      |                      | 2018/2017     | 2019/2018    |               |
| 1  | Chi đầu tư XDCB            | 508.020.000        | 751.000.000          | 700.000.000          | 147,83        | 93,21        | 120,52        |
| 2  | Chi đầu tư phát triển khác | 309.900.000        | 410.000.000          | 350.000.000          | 132,30        | 85,37        | 108,83        |
| 3  | <b>Tổng</b>                | <b>817.920.000</b> | <b>1.161.000.000</b> | <b>1.050.000.000</b> | <b>141,95</b> | <b>90,44</b> | <b>116,19</b> |

( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã và tính toán của tác giả )



*Kết quả thực hiện chi thường xuyên xã Hua Nhàn các năm 2017-2019*

Chi thường xuyên là các khoản chi gắn liền với các hoạt động kinh tế xã hội, các khoản chi này qua 3 năm đạt tốc độ phát triển bình quân 109,4%.

các khoản chi thường xuyên trong năm 2017 đều vượt dự toán cấp trên giao.

Qua các năm 2017-2019 xã đã chú trọng chi các lĩnh vực nhằm nâng cao sự nghiệp kinh tế - xã hội, y tế, hỗ trợ học tập trong đó cụ thể như năm 2017:

Chi hỗ trợ học tập đạt 110,48% so với dự toán, chi sự nghiệp y tế đạt 111,63%, chi sự nghiệp kinh tế đạt tới 101,76%.

Trong các khoản chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể đạt 107,35% so với dự toán, nguyên nhân tăng là do chế độ chính sách bổ sung của xã.

Các khoản chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự, chi sự nghiệp thể dục thể thao, chi sự nghiệp văn hóa, chi sự nghiệp giáo dục, chi DQTV, an ninh trật tự là không vượt so với dự toán, điều này cho thấy xã đã kế hoạch cụ thể cho những khoản chi này:

Trong năm 2017 xã chi dân quân tự vệ 94,33% so với dự toán, chi sự nghiệp thể dục thể thao đạt 62,28% so với dự toán, chi sự nghiệp văn hóa đạt 84,01% , chi sự nghiệp giáo dục đạt 98,51% so với dự toán.

Các năm 2018 và 2019 căn cứ vào kế hoạch đặt ra của các hoạt động nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trong xã, các khoản chi thường xuyên được thực hiện theo đúng quy định, theo dự toán đã được duyệt đem lại những kết quả nhất định cho địa phương trong thực hiện chính sách phát triển văn hóa xã hội.



**Bảng 3.8 Kết quả thực hiện chi thường xuyên xã Hua Nhàn**

Đơn vị tính: đồng

| TT        | Nội dung                  | Năm 2017<br>(đồng) | Năm 2018<br>(đồng)   | Năm 2019<br>(đồng)   | TĐPTLH(%)     |              | TĐPT<br>BQ<br>(%) |
|-----------|---------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|---------------|--------------|-------------------|
|           |                           |                    |                      |                      | 2018/2017     | 2019/2018    |                   |
| 1         | Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể  | 550.000.000        | 780.041.000          | 700.400.000          | 141,83        | 89,79        | 115,81            |
| 2         | Chi sự nghiệp giáo dục    | 59.200.000         | 99.501.000           | 78.000.000           | 168,08        | 78,39        | 123,23            |
| 3         | Chi sự nghiệp y tế        | 45.000.000         | 50.030.000           | 55.103.000           | 111,18        | 110,14       | 110,66            |
| 4         | Chi sự nghiệp kinh tế     | 152.902.000        | 151.058.000          | 148.060.000          | 98,79         | 98,02        | 98,40             |
| 5         | Chi sự nghiệp xã hội      | 17.500.000         | 17.206.000           | 16.000.000           | 98,32         | 92,99        | 95,66             |
| 6         | Chi các tổ chức xã hội    | 70.000.000         | 70.110.000           | 69.410.000           | 100,16        | 99,00        | 99,58             |
| 7         | Chi sự nghiệp TĐTT        | 7.401.000          | 7.000.000            | 8.000.000            | 94,58         | 114,29       | 104,43            |
| 8         | Chi hỗ trợ học tập        | 24.307.000         | 26.081.000           | 24.604.000           | 107,30        | 94,34        | 100,82            |
| 9         | Chi DQTV, an ninh trật tự | 47.270.000         | 60.100.000           | 29.193.000           | 127,14        | 48,57        | 87,86             |
| 10        | Chi sự nghiệp văn hóa     | 25.710.000         | 30.212.000           | 29.000.000           | 117,51        | 95,99        | 106,75            |
| <b>11</b> | <b>Tổng</b>               | <b>999.290.000</b> | <b>1.291.339.000</b> | <b>1.157.716.000</b> | <b>129,23</b> | <b>89,65</b> | <b>109,44</b>     |

( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã và tính toán của tác giả )



### 3.5. Quyết toán Ngân sách xã Hua Nhàn năm 2017 - 2019

Hàng năm, xã lập báo cáo tổng hợp thu chi ngân sách xã nộp lên cấp trên để duyệt quyết toán. Phòng tài chính huyện lập hội đồng thẩm định quyết toán để quyết toán ngân sách xã.

**Bảng 3.9. Bảng thẩm tra quyết toán ngân sách năm 2017**

| STT      | Chỉ tiêu                                  | DT huyện giao (đồng) | Số quyết toán (đồng)        |                             | TH/DT (%)    |
|----------|---|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|
|          |   |                      | Số báo cáo                  | Số thẩm tra                 |              |
|          | <b>Tổng thu ngân sách xã</b>              | <b>2.579.007.000</b> | <b>2.378.354.000 (đồng)</b> | <b>2.378.354.000 (đồng)</b> | <b>92,21</b> |
| <b>I</b> | <b>Số tổng thu NSX số đã qua kho bạc</b>  | <b>2.579.007.000</b> | <b>2.378.354.000</b>        | <b>2.378.354.000</b>        | <b>92,21</b> |
| <b>A</b> | <b>Các khoản thu hưởng 100</b>            | <b>741.716.000</b>   | <b>724.754.000</b>          | <b>724.754.000</b>          | <b>97,71</b> |
| 1        | Phí, lệ phí                               | 7.000.000            | 6.109.000                   | 6.109.000                   | 87,27        |
| 2        | Thu từ quỹ đất công ích, đất công         | 55.000.000           | 60.041.000                  | 60.041.000                  | 109,16       |
| 3        | Thu từ các hoạt động kinh tế và sự nghiệp | 28.301.000           | 25.000.000                  | 25.000.000                  | 88,33        |
| 4        | Thu đóng góp xây dựng trường              | 120.500.000          | 110.604.000                 | 110.604.000                 | 91,78        |
| 5        | Thu kết nợ ngân sách năm trước            | 480.000.000          | 500.000.000                 | 500.000.000                 | 104,16       |
| 6        | Thu khác                                  | 50.960.000           | 23.000.000                  | 23.000.000                  | 45,13        |
| <b>B</b> | <b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</b> | <b>547.291.000</b>   | <b>547.200.000</b>          | <b>547.200.000</b>          | <b>99,98</b> |
| 1        | Thuế nhà đất                              | 30.000.000           | 25.100.000                  | 25.100.000                  | 83,61        |
| 2        | Thuế môn bài                              | 17.201.000           | 17.000.000                  | 17.000.000                  | 98,83        |
| 3        | Lệ phí trước bạ nhà đất                   | 5.000.000            | 5.100.000                   | 5.000.000                   | 98,03        |
| 4        | Thuế công thương nghiệp ngoài quốc dân    | 495.090.000          | 500.000.000                 | 500.000.000                 | 99,01        |
|          | Thuế GTGT                                 |                      | 240.000.000                 |                             |              |
|          | Thuế thu nhập doanh nghiệp                |                      | 260.000.000                 |                             |              |
| <b>C</b> | <b>Tổng trợ cấp</b>                       | <b>1.290.000.000</b> | <b>1.106.400.000</b>        | <b>1.106.400.000</b>        | <b>85,76</b> |



|          |   |                      |                      |                      |               |
|----------|---|----------------------|----------------------|----------------------|---------------|
| 1        | Trợ cấp cân đối                             |                      | 1.000.000.000        | 1.000.000.000        |               |
| 2        | Trợ cấp mục tiêu                            |                      | 106.400.000          | 106.400.000          |               |
|          | <b>Tạm chi NSX số<br/>chợa qua kho bạc</b>  |                      |                      |                      |               |
|          | <b>Tổng chi ngân sách<br/>xã</b>            | <b>2.579.007.000</b> | <b>1.817.210.000</b> | <b>1.817.210.000</b> | <b>70,46</b>  |
| <b>I</b> | <b>Tổng chi NSX số<br/>chưa qua kho bạc</b> | <b>2.579.007.000</b> | <b>1.817.210.000</b> | <b>1.817.210.000</b> | <b>70,46</b>  |
| <b>A</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                     | <b>1.290.000.000</b> | <b>999.290.000</b>   | <b>999.290.000</b>   | <b>77,46</b>  |
| 1        | Chi QLNN, Đảng,<br>Đoàn thể                 |                      | 550.000.000          | 550.000.000          |               |
| 2        | Chi sự nghiệp giáo<br>dục                   |                      | 59.200.000           | 59.200.000           |               |
| 3        | Chi sự nghiệp kinh<br>tế                    |                      | 152.902.000          | 152.902.000          |               |
| 4        | Chi sự nghiệp y tế                          |                      | 45.000.000           | 45.000.000           |               |
| 5        | Chi sự nghiệp xã hội                        |                      | 17.500.000           | 17.500.000           |               |
| 6        | Chi các tổ chức xã<br>hội                   |                      | 70.000.000           | 70.000.000           |               |
| 7        | Chi sự nghiệp thể<br>dục, thể thao          |                      | 7.401.000            | 7.401.000            |               |
| 8        | Chi hỗ trợ học tập                          |                      | 24.307.000           | 24.307.000           |               |
| 9        | Chi DQTV, an ninh<br>trật tự                |                      | 47.270.000           | 47.270.000           |               |
| 10       | Chi sự nghiệp văn<br>hóa                    |                      | 25.710.000           | 25.710.000           |               |
| <b>B</b> | <b>Chi đầu tư phát<br/>triển</b>            | <b>1.289.007.000</b> | <b>817.920.000</b>   | <b>817.920.000</b>   | <b>151,77</b> |
| 1        | Chi đầu tị XDCB                             |                      | 508.020.000          | 508.020.000          |               |
| 2        | Chi đầu tị phát triển<br>khác               |                      | 309.900.000          | 309.900.000          |               |

( Nguồn : Ban tài chính kế toán xã )

Nhìn chung ta thấy, trong năm 2017 xã đợc duyệt toàn bộ các khoản thu chi ngân sách theo đúng xã báo cáo lên phòng tài chính – KH huyện, tổng số thu ngân sách xã là 2.378.354.000 đồng, tổng chi ngân sách xã là: 1.817.210.000 đồng.



**Bảng 3.10. Bảng thẩm tra quyết toán ngân sách xã năm 2018**

| STT      | Chỉ tiêu                                   | DT huyện giao<br>(đồng) | Số quyết toán (đồng) |                      | TH/<br>DT<br>(%) |
|----------|--|-------------------------|----------------------|----------------------|------------------|
|          |  |                         | Số báo cáo           | Số thẩm tra          |                  |
|          | <b>Tổng thu ngân sách xã</b>               | <b>2.478.509.310</b>    | <b>2.677.709.200</b> | <b>2.677.709.200</b> | <b>108,03</b>    |
| <b>I</b> | <b>Số tổng thu NSX (số đã qua kho bạc)</b> | <b>2.478.509.310</b>    | <b>2.677.709.200</b> | <b>2.677.709.200</b> | <b>108,03</b>    |
| <b>A</b> | <b>Các khoản thu 100%</b>                  | <b>853.171.000</b>      | <b>755.499.200</b>   | <b>755.499.200</b>   | <b>88,55</b>     |
| 1        | Phí, lệ phí                                | 9.100.000               | 5.530.000            | 5.530.000            | 60,76            |
| 2        |  | 52.801.000              | 99.702.000           | 99.702.000           | 188,82           |
| 3        | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp      | 30.712.000              | 28.112.200           | 28.112.200           | 91,53            |
| 4        | Thu đóng góp xây dựng trường               | 125.620.000             | 110.850.000          | 110.850.000          | 88,2             |
| 5        | Thu kết nợ ngân sách năm trước             | 594.731.000             | 500.305.000          | 500.305.000          | 84,12            |
| 6        | Thu khác                                   | 40.207.000              | 11.000.000           | 11.000.000           | 27,3             |
| <b>B</b> | <b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</b>  | <b>525.338.310</b>      | <b>516.210.000</b>   | <b>516.210.000</b>   | <b>98,26</b>     |
| 1        | Thuế nhà đất                               | 32.620.000              | 25.000.000           | 25.000.000           | 76,64            |
| 2        | Thuế môn bài                               | 15.402.000              | 14.210.000           | 14.210.000           | 92,26            |
| 3        | Lệ phí trước bạ nhà đất                    | 6.257.310               | 7.000.000            | 7.000.000            | 111,86           |
| 4        | Thuế công thương nghiệp ngoài quốc dân     | 471.059.000             | 470.501.000          | 470.501.000          | 99,88            |
|          | Thuế GTGT                                  |                         | 246.250.000          |                      |                  |
|          | Thuế thu nhập doanh nghiệp                 |                         | 224.250.000          |                      |                  |
| <b>C</b> | <b>Tổng trợ cấp</b>                        | <b>1.100.000.000</b>    | <b>1.406.000.000</b> | <b>1.406.000.000</b> | <b>127,81</b>    |
| 1        | Trợ cấp cân đối                            |                         | 1.305.000.000        | 1.305.000.000        |                  |



|          |   |                      |                      |                      |               |
|----------|---|----------------------|----------------------|----------------------|---------------|
| 2        | Trợ cấp mục tiêu                        |                      | 101.000.000          | 101.000.000          |               |
|          | <b>Tạm chi NSX số chưa qua kho bạc</b>  |                      |                      |                      |               |
|          | <b>Tổng chi ngân sách xã</b>            | <b>2.478.509.310</b> | <b>2.452.339.000</b> | <b>2.452.339.000</b> | <b>98,94</b>  |
| <b>I</b> | <b>Tổng chi NSX số chưa qua kho bạc</b> | <b>2.478.509.310</b> | <b>2.452.339.000</b> | <b>2.452.339.000</b> | <b>98,94</b>  |
| <b>A</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                 | <b>1.100.000.000</b> | <b>1.291.339.000</b> | <b>1.291.339.000</b> | <b>129,19</b> |
| 1        | Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể                |                      | 780.041.000          | 780.041.000          |               |
| 2        | Chi sự nghiệp giáo dục                  |                      | 99.501.000           | 99.501.000           |               |
| 3        | Chi sự nghiệp y tế                      |                      | 50.030.000           | 50.030.000           |               |
| 4        | Chi sự nghiệp kinh tế                   |                      | 151.058.000          | 151.058.000          |               |
| 5        | Chi sự nghiệp xã hội                    |                      | 17.206.000           | 17.206.000           |               |
| 6        | Chi các tổ chức xã hội                  |                      | 70.110.000           | 70.110.000           |               |
| 7        | Chi sự nghiệp thể dục, thể thao         |                      | 7.000.000            | 7.000.000            |               |
| 8        | Chi hỗ trợ học tập                      |                      | 26.081.000           | 26.081.000           |               |
| 9        | Chi DQTV, an ninh trật tự               |                      | 60.100.000           | 60.100.000           |               |
| 10       | Chi sự nghiệp văn hóa                   |                      | 30.212.000           | 30.212.000           |               |
| <b>B</b> | <b>Chi đầu tư phát triển</b>            | <b>1.378.509.310</b> | <b>1.161.000.000</b> | <b>1.161.000.000</b> | <b>84,22</b>  |
|          | Chi đầu tư XDCB                         |                      | 751.000.000          | 751.000.000          |               |
|          | Chi đầu tư phát triển khác              |                      | 410.000.000          | 410.000.000          |               |

( Nguồn:

**Ban tài chính kế toán xã )**

Qua bảng 3.10. ta thấy trong năm 2018 tổng thu chi của xã đã được ổn định cụ thể như: Năm 2018 hoạt động tổng số thu ngân sách xã là 2.677.709.200 đồng, hoạt động tổng số chi ngân sách xã là 2.452.339.000 đồng cho thấy rằng hoạt động thu, chi là hợp lệ.



**Bảng 3.11. Bảng thẩm tra quyết toán ngân sách năm 2019**

| STT      | Chỉ tiêu                                     | Dự toán huyện giao (đồng) | Số quyết toán (đồng) |                      | Số TH/DT(%)  |
|----------|--|---------------------------|----------------------|----------------------|--------------|
|          |  |                           | Số báo cáo           | Số thẩm tra          |              |
|          | <b>Tổng thu ngân sách xã</b>                 | <b>3.178.251.620</b>      | <b>3.123.654.000</b> | <b>3.123.654.000</b> | <b>98,28</b> |
| <b>I</b> | <b>Số tổng thu NSX ( số đã qua kho bạc )</b> | <b>3.178.251.620</b>      | <b>3.310.654.000</b> | <b>3.123.654.000</b> | <b>98,28</b> |
| <b>A</b> | <b>Các khoản thu 100%</b>                    | <b>940.534.620</b>        | <b>916.554.000</b>   | <b>916.554.000</b>   | <b>97,45</b> |
| 1        | Phí, lệ phí                                  | 7.200.000                 | 6.130.000            | 6.130.000            | 85,13        |
| 2        | Thu từ quỹ đất công ích, đất công            | 50.303.620                | 60.719.000           | 60.719.000           | 120,71       |
| 3        | Thu từ các hoạt động kinh tế và sự nghiệp    | 34.600.000                | 33.831.000           | 33.831.000           | 97,77        |
| 4        | Thu đóng góp xây dựng trường                 | 200.500.000               | 189.730.000          | 189.730.000          | 94,6         |
| 5        | Thu kết dọj ngân sách năm trước              | 599.408.000               | 600.494.000          | 600.494.000          | 103,6        |
| 6        | Thu khác                                     | 48.523.000                | 25.650.000           | 25.650.000           | 52,8         |
| <b>B</b> | <b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</b>    | <b>917.717.000</b>        | <b>897.048.000</b>   | <b>897.048.000</b>   | <b>95,78</b> |
| 1        | Thuế nhà đất                                 | 29.067.000                | 32.400.000           | 32.400.000           | 111,46       |
| 2        | Thuế môn bài                                 | 65.073.000                | 74.120.000           | 74.120.000           | 113,91       |
| 3        | Lệ phí trước bạ nhà đất                      | 13.520.000                | 9.627.000            | 9.627.000            | 71,21        |
| 4        | Thuế công thương nghiệp ngoài quốc dân       | 810.057.000               | 780.901.000          | 780.901.000          | 96,41        |
|          | Thuế GTGT                                    |                           | 490.461.000          | 490.461.000          |              |
|          | Thuế thu nhập doanh nghiệp                   |                           | 290.440.000          | 290.440.000          |              |

|          |   |                      |                      |                      |              |
|----------|---|----------------------|----------------------|----------------------|--------------|
| <b>C</b> | <b>Tổng trợ cấp</b>                     | <b>1.320.000.000</b> | <b>1.310.052.000</b> | <b>1.310.052.000</b> | <b>99,24</b> |
| 1        | Trợ cấp cân đối                         |                      | 1.210.000.000        | 1.210.000.000        |              |
| 2        | Trợ cấp mục tiêu                        |                      | 100.052.000          | 100.052.000          |              |
|          | <b>Tạm Chi NSX số chưa qua kho bạc</b>  |                      |                      |                      |              |
|          | <b>Tổng chi ngân sách xã</b>            | <b>3.178.251.620</b> | <b>2.207.716.000</b> | <b>2.207.716.000</b> | <b>69,46</b> |
| <b>I</b> | <b>Tổng chi NSX số chưa qua kho bạc</b> | <b>3.178.251.620</b> | <b>2.207.716.000</b> | <b>2.207.716.000</b> | <b>69,46</b> |
| <b>A</b> | <b>Chi thường xuyên</b>                 | <b>1.858.251.620</b> | <b>1.157.716.000</b> | <b>1.157.716.000</b> | <b>62,31</b> |
| 1        | Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể                |                      | 700.400.000          | 700.400.000          |              |
| 2        | Chi sự nghiệp giáo dục                  |                      | 78.000.000           | 78.000.000           |              |
| 3        | Chi sự nghiệp y tế                      |                      | 55.103.000           | 55.103.000           |              |
| 4        | Chi sự nghiệp kinh tế                   |                      | 148.060.000          | 148.060.000          |              |
| 5        | Chi sự nghiệp xã hội                    |                      | 16.000.000           | 16.000.000           |              |
| 6        | Chi các tổ chức xã hội                  |                      | 69.410.000           | 69.410.000           |              |
| 7        | Chi sự nghiệp thể dục, thể thao         |                      | 8.000.000            | 8.000.000            |              |
| 8        | Chi hỗ trợ học tập                      |                      | 24.604.000           | 24.604.000           |              |
| 9        | Chi DQTV, an ninh trật tự               |                      | 29.193.000           | 29.193.000           |              |
| 10       | Chi sự nghiệp văn hóa                   |                      | 29.000.000           | 29.000.000           |              |
| <b>B</b> | <b>Chi đầu tư phát triển</b>            | <b>1.320.000.000</b> | <b>1.050.000.000</b> | <b>1.050.000.000</b> | <b>79,54</b> |
| 1        | Chi đầu tư XDCB                         |                      | 700.000.000          | 700.000.000          |              |
| 2        | Chi đầu tư phát triển khác              |                      | 350.000.000          | 350.000.000          |              |

( Nguồn: Ban tài chính kế toán xã )

Qua Bảng 3.11. ta thấy, trong năm 2019 xã được duyệt toàn bộ các khoản thu chi ngân sách theo đúng xã báo cáo lên Phòng tài chính – KH huyện, tổng số thu ngân sách xã là: 3.123.654.000 đồng, tổng số chi ngân sách xã là: 2.207.716.000 đồng. Cho thấy hoạt động thu, chi ngân sách xã ổn định.



### **3.6. Đánh giá chung về công tác quản lý thu – chi ngân sách xã tại xã Hua Nhân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.**

#### **3.6.1. Những kết quả đạt được**

- Ngân sách xã là đơn vị hành chính cấp cơ sở có mối quan hệ trực tiếp với nhân dân, giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân, nên ngân sách xã phải đảm bảo nguồn tài chính cho sự tồn tại. Hoạt động của bộ máy chính quyền

xã là công cụ phương tiện vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở trong quản lý điều hành phát triển kinh tế xã hội, giải quyết toàn bộ các mối quan hệ ở địa phương, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Xã Hua Nhân luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của huyện ủy, HĐND - UBND huyện, sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của các ban ngành trong huyện. Nền kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, dịch vụ thương mại có bước phát triển đáng kể, cơ sở hạ tầng được đầu tư tổng đối đồng bộ, hệ thống đường giao thông từ trung tâm xã đi các bản và đường giao thông liên bản được mở mới, trường lớp học được kiên cố hóa, hệ thống thủy lợi nước sinh hoạt đang được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân. Các chính sách xã hội được quan tâm hỗ trợ kịp thời cho các hộ nghèo.

- Kế hoạch thu chi ngân sách xã được xây dựng ngay từ đầu năm, thảo luận dân chủ, công khai và được HĐND xã thông qua.

- Chi ngân sách xã xuất phát từ ý nguyện nhân dân trong định hướng phát triển kinh tế của địa phương, đảm bảo cho sự ổn định phát triển về mọi mặt trong xã.

- Thu, chi gắn liền với nhiệm vụ cụ thể của từng người, báo cáo thu chi ngân sách xã được lập đầy đủ theo quy định, hàng tháng báo cáo tại hội nghị

- Khâu lập dự toán ngân sách xã đã được xã quan tâm và từng bước triển khai theo đúng quy định của luật NSNN. Dự toán, thu chi ngân sách xã đã được

tính toán, phân bổ theo mục lục NSNN, tạo cơ sở cho công tác điều hành ngân sách xã của chính quyền xã và công tác kiểm soát chi của KBNN.

- Việc chấp hành thu chi ngân sách xã được xã cố gắng thực hiện tốt theo dự toán giao.
- Quyết toán ngân sách xã thực hiện theo chế độ ghi chép, mở sổ sách kế toán ngân sách xã theo hình thức ghi sổ kép, thay thế cho ghi sổ đơn.
- Xã đã tuân thủ đúng quy chế công khai tài chính theo văn bản pháp luật hiện hành, gây được lòng tin trong nhân dân địa phương. Cán bộ kế toán thực hiện tốt công tác nhiệm vụ được giao.

### **3.6.2. Những mặt hạn chế**

- Xã Hua Nhân là xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn của huyện Bắc Yên, kinh tế còn nhiều khó khăn, diện tích tự nhiên của toàn xã là: 5.857 ha. Địa hình chia cắt, đồi núi cao, dốc đứng, các bản nằm rải rác, giao thông đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao; nguồn thu ngân sách trên địa bàn còn nhỏ, lẻ, phân tán.
- Trình độ dân trí không đồng đều, phong tục tập quán còn lạc hậu, áp dụng các khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn khó khăn, kinh tế xã hội phát triển chậm chủ yếu phát triển trồng trọt, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân còn thấp.
- Trong năm băng giá, và nắng nóng kéo dài dẫn đến khó khăn về trồng trọt hoa màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm cho bà con nhân dân trong xã.
- Tình trạng nợ thuế vẫn còn chiếm tỷ lệ cao. Chưa có sự kết hợp đồng bộ với ngành luật pháp để xử lý điển hình những hộ có số nợ thuế nhiều. HĐND xã chưa nhận rõ được quyền hạn nhiệm vụ theo luật định, chưa khái quát hết được công việc quản lý ngân sách của mình trong việc quyết định dự toán, kiểm tra giám sát việc chấp hành dự toán và phê chuẩn quyết toán cho ngân sách xã.

- Cán bộ tài chính – kế toán ở xã vẫn còn sai sót trong quá trình làm việc.

### **3.7. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách xã Hua Nhàn.**

#### **3.7.1. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách**

- Cán bộ thiếu trình độ cần phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức toàn diện trước hết là về đường lối chính trị về quản lý nhà nước và quản lý kinh tế.
- Đối với đội ngũ kế toán - tài chính xã Hua Nhàn đa số được đào tạo nghiệp vụ trung cấp kế toán, tuy nhiên chưa đáp ứng đủ yêu cầu nhiệm vụ được giao, cần phải được tiếp tục đào tạo để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu tình hình mới.
- Mở các lớp tập huấn để nâng cao kỹ năng chuyên môn cho cán bộ.

#### **3.7.2. Tăng cường tổ chức cho hoạt động thu – chi cho ngân sách xã Hua Nhàn**

- Thực hiện chi ngân sách xã theo đúng chế độ hiện hành.
- Các khoản chi tiêu ngân sách cần thực hiện chặt chẽ hơn bám sát vào nhiệm vụ, mục tiêu mà Đảng bộ, chính quyền đặt ra và phù hợp với điều kiện của xã.
- Các khoản chi ngân sách xã cần có kế hoạch và lập dự toán chi tiết đối với từng khoản chi cụ thể. Đặc biệt là đối với các khoản chi thường xuyên xã nên dự kiến tốt các khoản này để tránh trường hợp chi vượt thu
- Tất cả các khoản thu - chi của xã chỉ được Chủ tịch UBND xã phê duyệt. Các khoản thu cao hơn so với các khoản chi để đảm bảo cho kinh tế xã hội của xã tốt hơn.
- Cán bộ xã Hua Nhàn cần tăng cường kiểm tra các hộ kinh doanh, đọa tất cả các hộ kinh doanh vào quản lý thu thuế theo đúng quy định của pháp luật,

thực hiện nghiêm các văn bản nhà nước về thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác.

- Tổ chức lập và phân bổ dự toán thu chi theo đúng luật quy định.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục việc thực hiện pháp luật, củng cố vai trò của công tác quản lý ngân sách xã cho các cán bộ chủ chốt của xã.

- Có các chính sách hợp lý để có thu hút thêm nhiều khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân.

### **3.7.3. Tăng cường kinh tế xã hội và cơ sở - hạ tầng của xã Hua Nhàn.**

- Cần tiếp tục xây dựng hệ thống đờng, điện vào các thôn bản để đảm bảo cho việc đi lại và sinh hoạt của người dân, nâng cấp những cơ sở hạ tầng đờng giao thông của xã Hua Nhàn ngày càng phát triển.

- Đầu tư xây dựng chợ xã để tạo điều kiện cho dân bản có công an việc làm và góp phần cho ngân sách xã ngày càng thuận lợi hơn.

- Quản lý và khai thác tốt các nguồn lực đầu tư từ đất. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, công khai quy hoạch, quản lý sau quy hoạch sử dụng đất.

- Phát huy các truyền thống văn hóa bản sắc dân tộc ở các thôn bản. Tăng cường cấp nước cho các thôn bản còn thiếu sinh hoạt.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các kênh mương dẫn nước để trồng lúa nước và các cây nông nghiệp khác.





## KẾT LUẬN

Xã Hua Nhàn là một cấp ngân sách thuộc hệ thống NSNN, là công cụ tài chính quan trọng để chính quyền nhà nước cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và thể hiện rõ bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đề tài “Thực trạng công tác quản lý thu – chi ngân sách xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La” đã được thực hiện. Cho thấy các hoạt động quản lý ngân sách của xã là điều rất cần thiết để góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế xã hội. Khóa luận đã thực hiện làm rõ các hoạt động cơ bản của quản lý ngân sách xã từ lập dự toán, thực hiện và quyết toán ngân sách xã. Đối với mỗi nội dung đã tìm hiểu thực tế tình hình thực hiện tại địa phương và đưa ra những nhận xét cụ thể. Trên cơ sở thực tế thực hiện ngân sách tại xã. Trên cơ sở đó có những đánh giá nhất định và những góp ý cơ bản cho công tác quản lý ngân sách xã trong thời gian tới, công tác quản lý thu, chi ở xã Hua Nhàn cần nâng cao ý thức trách nhiệm, bố trí công việc hợp lý chi tiêu có mục đích như: chi đầu tư phát triển, chi đầu tư xây dựng cơ bản, sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, đảm bảo an ninh quốc phòng. Cần giảm chi thường xuyên, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả cho nền kinh tế xã, tăng tích lũy để xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo chủ nghĩa xã hội đảm bảo nhu cầu đời sống của nhân dân.

Tuy nhiên công tác quản lý ngân sách xã tại xã Hua Nhàn còn không ít những tồn tại vướng mắc, đặc biệt là những thiếu sót trong nhận thức, trong chỉ đạo, điều hành và trong công tác hoàn thiện cơ chế chính sách, đòi hỏi của thực tiễn, cần nhanh chóng đề ra các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao vai trò của ngân sách địa phương đối với chính quyền cơ sở. Trên cơ sở đó, một số giải pháp đã được đưa ra với nguyện vọng góp phần giúp cho công tác quản lý ngân sách trên địa bàn xã Hua Nhàn được hoàn thiện hơn trong quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn xã từ khâu xây dựng dự toán đến quyết toán ngân sách nhà nước.

Do thời gian có hạn và kiến thức còn hạn chế nên đề tài chưa đánh giá hết được công tác quản lý thu chi ngân sách xã trong 3 năm 2017 - 2019. Vì vậy,

**Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại [luanvantot.com](http://luanvantot.com)**



ngoài việc nỗ lực nghiên cứu hoàn thiện của bản thân rất mong sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các cán bộ trong lĩnh vực tài chính xã để đề tài của tôi được hoàn thiện hơn.





## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính ( 2016 ) Thông tọq 344/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã.
2. Quốc hội khóa XIII ( 2015 ), luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015, NXB chính trị quốc gia Hà Nội.
3. Ban tài chính – Kế toán xã Hua Nhàn (2017 – 2019). Kết quả thẩm tra quyết toán ngân sách xã Hua Nhàn – huyện Bắc yên – tỉnh Sơn La.
4. UBND xã Hua Nhàn (2017 – 2019), báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội hằng năm của xã Hua Nhàn – huyện Bắc Yên – tỉnh Sơn La.
5. Thông tọq 61/2017/TT – BTC của bộ tài chính ra ngày 1/08/2017, các văn bản điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn thi hành thu chi ngân sách xã

